

**Form 08\_CBTT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ... .., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG  
TIÊU DÙNG MASAN  
MASAN CONSUMER  
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: **048**/2022/CV-MSC  
No: /

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng **4** năm 2022  
....., day ... month ... year .....

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG  
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: State Securities Commission  
Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

- Mã chứng khoán/Stock code: **MCH**

- Địa chỉ/Address: **Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

- Điện thoại liên hệ/Tel.: **028. 62555660**

Fax: **028. 38109463**

- E-mail: **information@msc.masangroup.com**

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;  
*The resolutions of 2022 Annual General Meeting of Shareholders;*
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022;  
*Shareholder approval on the 2021 dividend and 2022 dividend advance;*
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch kinh doanh 2022 của Công ty;  
*Shareholder approval on the 2022 business plan;*
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tổ chức lại doanh nghiệp;  
*Shareholder approval on the re-organizing of the Company.*

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/4/2022 tại đường dẫn <https://www.masanconsumer.com/category/shareholder-shareholder/> // *This information was published on the company's website on 28 April 2022, as in the link https://www.masanconsumer.com/category/shareholder-shareholder/:*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**  
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
Người UQ CBTT  
*Person authorized to disclose information*  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(*Signature, full name, position, and seal*)



**Đỗ Thị Hoàng Yên**



Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều Lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2021, được sửa đổi tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Biên Bản Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2022.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021.

**Điều 2.** Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2021.

**Điều 3.** Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

**Điều 4.** Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Công ty (trên cơ sở đề xuất sau khi sáp nhập với Công ty TNHH MasanConsumerHoldings khi được thông qua theo Điều 13) như sau:

*Đơn vị tính: tỷ VND*

<b>Nội dung</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>
Doanh thu thuần (Net revenue)	34.000 – 40.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	5.500 – 6.500
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của Công ty (NPAT - Post MI)	5.000 – 6.100

**Điều 5.** Thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 của Công ty như sau:

- Mức chia cổ tức năm 2021: 0%.

**Điều 6.** Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2022, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

**Điều 7.** Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

**Điều 8.** Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Đăng Quang khỏi chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 do có thư từ nhiệm (việc miễn nhiệm có hiệu lực kể từ ngày từ nhiệm 01/9/2021).

**Điều 9.** Thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cho thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024 còn 6 thành viên.

**Điều 10.** Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2022 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2022 là không quá 2 tỷ VNĐ.

**Điều 11.** Thông qua phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

**1. Phương án phát hành:**

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong Tập đoàn Masan nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong năm qua.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2022 hoặc 4 tháng đầu năm 2023.
- Phương thức phát hành: phát hành trực tiếp cho người lao động bằng cách phát hành cổ phần mới và/hoặc bán cổ phiếu quỹ
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 1% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Giá phát hành: 85.000 đồng/cổ phần.

- Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết trong Tập đoàn Masan được quyền tham gia phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt theo mục 5 dưới đây.
  - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  5. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
    - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
    - quyết định phương thức phát hành; tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện (kể cả việc quyết định thực hiện trước hoặc sau khi sáp nhập với Công ty TNHH MasanConsumerHoldings);
    - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành được tại Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp phát hành cổ phần mới);
    - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
    - quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

**Điều 12. Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

1. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi
1	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
2	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất hương liệu, sản xuất hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (trừ sản xuất hoá chất cơ bản)(không hoạt động tại trụ sở)</i>
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không</i>

	<i>được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm. Sản xuất gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính)</i>
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở)</i>
6	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn</i>
7	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng gia đình và đồ dùng chăm sóc cá nhân. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, bách hóa, kim khí điện máy, máy điện toán, máy văn phòng, nông-lâm-thủy hải sản, cao su, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)</i>
9	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).</i>
10	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
11	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
12	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
13	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
14	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (phần quy định về ngành nghề kinh doanh) tương ứng với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên.
3. Phê duyệt việc ủy quyền cho bất kỳ người nào là một trong hai Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
  - (i) thực hiện đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định pháp luật;
  - (ii) quyết định tất cả các vấn đề cần thiết và ký các tài liệu liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên (kể cả các sửa đổi, bổ sung, thay đổi câu chữ khi cần thiết theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

**Điều 13. Thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings:**

Nhằm hiện thực hóa việc hợp nhất chiến lược và vận hành, cũng như đơn giản hóa cơ cấu tổ chức của Công ty, Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (“**Công Ty Nhận Sáp Nhập**”) như sau:

**I. Phương án sáp nhập**

**1. Tổng quan về phương án sáp nhập**

- 1.1. Công Ty Nhận Sáp Nhập dự kiến chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, và tăng vốn điều lệ lên thành 6.708.051.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phần thưởng).
- 1.2. Công Ty Nhận Sáp Nhập (sau khi hoàn tất thủ tục nêu tại mục 1.1) dự kiến nhận sáp nhập Masan Consumer trên cơ sở Công Ty Nhận Sáp Nhập phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với Masan Consumer. Cụ thể:
  - Công Ty Nhận Sáp Nhập phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với tất cả số cổ phần đang lưu hành của Masan Consumer được nắm giữ bởi các cổ đông của Masan Consumer, với tỷ lệ hoán đổi được đề cập tại Mục II của Điều này.
  - Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phần, Masan Consumer sẽ được sáp nhập vào Công Ty Nhận Sáp Nhập. Sau sáp nhập, Masan Consumer chấm dứt hoạt động, Công Ty Nhận Sáp Nhập được hưởng các quyền và nghĩa vụ hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ, tài sản khác của Masan Consumer (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Masan Consumer ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Masan Consumer và nhân viên của Masan Consumer,...) một cách toàn bộ và nguyên trạng.

**2. Chi phí sáp nhập**

Bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình sáp nhập từ khi hai bên ký kết Hợp đồng sáp nhập cho đến khi Công Ty Nhận Sáp Nhập có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của Masan Consumer. Toàn bộ các chi phí này do Công Ty Nhận Sáp Nhập thanh toán.

### **3. Phương pháp kế toán sáp nhập**

Phương pháp kế toán sáp nhập được thực hiện theo Luật kế toán số 88/2015/QH13 và các quy định pháp luật có liên quan.

### **4. Thời gian sáp nhập**

Sau khi được ĐHĐCĐ của Masan Consumer và Công Ty Nhận Sáp Nhập thông qua, các bên ký kết hợp đồng sáp nhập và thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc sáp nhập.

### **5. Phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập**

Sau khi sáp nhập, Masan Consumer chấm dứt hoạt động; Công Ty Nhận Sáp Nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Masan Consumer. Công Ty Nhận Sáp Nhập kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của Masan Consumer theo hợp đồng sáp nhập.

Sau sáp nhập, Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ thực hiện thủ tục đăng ký trở thành công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer.

### **6. Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

#### **a. Đối với người lao động**

Toàn bộ người lao động của Masan Consumer vẫn tiếp tục làm việc tại Công Ty Nhận Sáp Nhập sau khi thực hiện sáp nhập. Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Masan Consumer với các nhân viên của Masan Consumer, để cho Giao Dịch Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các nhân viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của nhân viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Công Ty Nhận Sáp Nhập. Công Ty Nhận Sáp Nhập và người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có).

#### **b. Đối với khách hàng**

Toàn bộ khách hàng của Masan Consumer sẽ được chuyển giao cho Công Ty Nhận Sáp Nhập kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của Masan Consumer đối với khách hàng.

### **7. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia sáp nhập**

- Các bên cam kết các thông tin và chứng từ đề cập tại hợp đồng sáp nhập liên quan đến bên đó là đúng và chính xác.
- Các bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất.
- Các bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của hợp đồng sáp nhập và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy



trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện hợp đồng sáp nhập tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo hợp đồng sáp nhập, mỗi bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
- Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của hợp đồng sáp nhập và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện hợp đồng sáp nhập tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- Các bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết hợp đồng sáp nhập theo các quy định của hợp đồng sáp nhập.
- Các bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết hợp đồng sáp nhập.
- Masan Consumer cam kết và xác nhận rằng trước và vào ngày hoàn thành hợp đồng sáp nhập, Masan Consumer không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Masan Consumer.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo hợp đồng sáp nhập.

## **8. Chấm dứt/Hủy bỏ thỏa thuận sáp nhập**

Thỏa thuận sáp nhập chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất theo quy định của hợp đồng sáp nhập;
- Theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên;
- Theo yêu cầu của mỗi bên nếu các điều kiện cho Giao Dịch Sáp Nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của một bên, trừ khi các bên có thỏa thuận khác;
- Một hoặc các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

## **II. Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi**

- Tỷ lệ hoán đổi: 1:1; nghĩa là cổ đông sở hữu 1 cổ phần Masan Consumer (UPCOM: MCH) hoán đổi lấy 1 cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập.
- Việc hoán đổi cổ phần của các cổ đông Masan Consumer lấy cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ được thực hiện ngay sau khi Công Ty Nhận Sáp Nhập nhận được sự chấp thuận cho phép phát hành thêm cổ phần của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các chấp thuận cần thiết khác (nếu có, theo quy định pháp luật).
- Khi thực hiện hoán đổi, Masan Consumer sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần Masan Consumer lấy cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập.
- Từ ngày việc hoán đổi cổ phần được hoàn thành, các cổ đông của Masan Consumer sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Nhận Sáp Nhập và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Công Ty Nhận Sáp Nhập tương ứng với số cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi nêu trên.

- Sau khi việc hoán đổi cổ phần được hoàn thành, Masan Consumer sẽ bị hủy đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và hủy đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**III. Thông qua việc Công Ty Nhận Sáp Nhập thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer**

- Sau sáp nhập, ĐHĐCĐ thông qua việc Công Ty Nhận Sáp Nhập thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer.

**IV. Thông qua Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật**

- ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật theo bản dự thảo được đính kèm trong Phụ lục 1 của Nghị quyết này.

**V. Triển khai thực hiện**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau:

- Quyết định việc có thực hiện hoặc không thực hiện việc sáp nhập, phụ thuộc vào chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc điều kiện thị trường;
- Chuẩn bị và đàm phán các Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật;
- Triển khai các công việc cần thiết khác, điều chỉnh xử lý các vấn đề liên quan để thực hiện các nội dung Nghị quyết nêu trên, kể cả các sửa đổi, bổ sung khi cần thiết và phù hợp với các thông tin pháp lý vào từng thời điểm, đảm bảo về cơ bản không làm thay đổi các quyền và lợi ích của cổ đông đã được thông qua theo Nghị quyết này;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan và thực hiện tất cả các công việc cần thiết để hoàn tất việc sáp nhập Masan Consumer vào Công Ty Nhận Sáp Nhập theo quy định của Pháp luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công việc cụ thể được nêu trên đây;
- Trong trường hợp HĐQT quyết định không thực hiện việc sáp nhập vì lý do thị trường hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, HĐQT sẽ báo cáo để ĐHĐCĐ phê chuẩn ở phiên họp gần nhất.

**Điều 14.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 15.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Số 01/2022/BBH-ĐHĐCĐ-MSC



**BIÊN BẢN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Sảnh triển lãm A1, Trung tâm Hội nghị và Triển lãm SECC, số 799 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022.

**THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:**

**1.1. Cổ đông:**

Có **95** cổ đông và người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho **700.849.685** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỉ lệ **97,90%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (do Công ty có **10.915.388** cổ phiếu quỹ nên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là **715.878.430** cổ phần).

**1.2. Hội đồng Quản trị đương nhiệm gồm**

Ông Danny Le,	Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
Ông Trương Công Thắng,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Thị Thu Hà,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Thu Hiền,	Thành viên Hội đồng Quản trị.

**1.3. Ủy ban Kiểm toán đương nhiệm gồm**

Bà Nguyễn Thu Hiền,	Trưởng Ban;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên.

**1.4. Ban điều hành đương nhiệm gồm**

Trương Công Thắng,	Tổng Giám đốc;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Phạm Hồng Sơn,	Phó Tổng Giám đốc.

**NỘI DUNG ĐẠI HỘI:**

**I - THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ DỰ HỌP:**

Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả đăng ký dự họp và thông báo số lượng cổ đông hợp lệ để tiến hành Đại hội phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và các Điều 17, 18 và 19 Điều lệ hiện hành của Công ty.

## II - CHỦ TOA, BẦU THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

1. **Chủ toa:**
  - Ông Danny – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. **Thư ký:**
  - Bà Đỗ Thị Hoàng Yến.
3. **Ban Kiểm phiếu:**
  - Ông Huỳnh Công Hoàn – Trưởng Ban;
  - Bà Đào Thị Thanh Hương – Thành viên; và
  - Ông Nguyễn Hữu Phước – Thành viên.

## III - GIỚI THIỆU NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Ông Danny Le giới thiệu nội dung chương trình và nguyên tắc làm việc của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, diễn ra ngày 28/4/2022 của Công ty và đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

## IV- CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI:

1. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình bày báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021.
2. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT và Ông Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2021, kế hoạch năm 2022 và mục tiêu tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2021.
4. Các vấn đề được Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua:
  - Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán;
  - Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Công ty;
  - Phương án chia cổ tức năm 2021;
  - Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm ứng cổ tức năm 2022;
  - Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 của Công ty;
  - Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị của ông Nguyễn Đăng Quang do từ nhiệm;
  - Thay đổi số lượng thành viên HĐQT Công ty cho thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024;
  - Thù lao của thành viên HĐQT và ngân sách hoạt động của HĐQT trong năm 2022;
  - Phương án phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
  - Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty; và
  - Phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings.

## V- CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

**Điều 1.** Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 2.** Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2021.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 3.** Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 4.** Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Công ty (trên cơ sở đề xuất sau khi sáp nhập với Công ty TNHH MasanConsumerHoldings khi được thông qua theo Điều 13) như sau:

*Đơn vị tính: tỷ VND*

<b>Nội dung</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>
Doanh thu thuần (Net revenue)	34.000 – 40.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	5.500 – 6.500
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của Công ty (NPAT - Post MI)	5.000 – 6.100

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 5.** Thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 của Công ty như sau:

- Mức chia cổ tức năm 2021: 0%.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,83%

Không tán thành: 0,01%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 6.** Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2022, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,83%

Không tán thành: 0,01%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 7.** Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 8.** Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Đăng Quang khỏi chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 do có thư từ nhiệm (việc miễn nhiệm có hiệu lực kể từ ngày từ nhiệm 01/9/2021).

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,84%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 9.** Thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cho thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024 còn 6 thành viên.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,84%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 10.** Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2022 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2022 là không quá 2 tỷ VNĐ.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,99%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,01%

**Điều 11.** Thông qua phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

**1. Phương án phát hành:**

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong Tập đoàn Masan nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong năm qua.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2022 hoặc 4 tháng đầu năm 2023.
- Phương thức phát hành: phát hành trực tiếp cho người lao động bằng cách phát hành cổ phần mới và/hoặc bán cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 1% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - Giá phát hành: 85.000 đồng/cổ phần.
  - Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết trong Tập đoàn Masan được quyền tham gia phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt theo mục 5 dưới đây.
  - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp phát hành cổ phần mới).
  5. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
    - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
    - quyết định phương thức phát hành; tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện (kể cả việc quyết định thực hiện trước hoặc sau khi sáp nhập với Công ty TNHH MasanConsumerHoldings);
    - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành được tại Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp phát hành cổ phần mới);
    - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
    - quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,84%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 12. Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

1. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi
1	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>



2	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất hương liệu, sản xuất hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (trừ sản xuất hoá chất cơ bản)(không hoạt động tại trụ sở)</i>
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm. Sản xuất gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính)</i>
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở)</i>
6	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn</i>
7	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng gia đình và đồ dùng chăm sóc cá nhân. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, bách hóa, kim khí điện máy, máy điện toán, máy văn phòng, nông-lâm-thủy hải sản, cao su, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)</i>
9	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).</i>
10	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
11	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
12	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
13	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
14	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009)</i>

*của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)*

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (phần quy định về ngành nghề kinh doanh) tương ứng với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên.
3. Phê duyệt việc ủy quyền cho bất kỳ người nào là một trong hai Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
  - (i) thực hiện đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định pháp luật;
  - (ii) quyết định tất cả các vấn đề cần thiết và ký các tài liệu liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên (kể cả các sửa đổi, bổ sung, thay đổi câu chữ khi cần thiết theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 99,84%

Không tán thành: 0,00%

Không có ý kiến: 0,16%

**Điều 13. Thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings:**

Nhằm hiện thực hóa việc hợp nhất chiến lược và vận hành, cũng như đơn giản hóa cơ cấu tổ chức của Công ty, Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (“**Công Ty Nhận Sáp Nhập**”) như sau:

**I. Phương án sáp nhập**

**1. Tổng quan về phương án sáp nhập**

- 1.1. Công Ty Nhận Sáp Nhập dự kiến chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, và tăng vốn điều lệ lên thành 6.708.051.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phần thưởng).
- 1.2. Công Ty Nhận Sáp Nhập (sau khi hoàn tất thủ tục nêu tại mục 1.1) dự kiến nhận sáp nhập Masan Consumer trên cơ sở Công Ty Nhận Sáp Nhập phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với Masan Consumer. Cụ thể:
  - Công Ty Nhận Sáp Nhập phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với tất cả số cổ phần đang lưu hành của Masan Consumer được nắm giữ bởi các cổ đông của Masan Consumer, với tỷ lệ hoán đổi được đề cập tại Mục II của Điều này.
  - Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phần, Masan Consumer sẽ được sáp nhập vào Công Ty Nhận Sáp Nhập. Sau sáp nhập, Masan Consumer chấm dứt hoạt động, Công Ty Nhận Sáp Nhập được hưởng các quyền và nghĩa vụ hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ, tài sản khác của Masan Consumer (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Masan Consumer ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Masan Consumer và nhân viên của Masan Consumer,...) một cách toàn bộ và nguyên trạng.

## **2. Chi phí sáp nhập**

Bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình sáp nhập từ khi hai bên ký kết Hợp đồng sáp nhập cho đến khi Công Ty Nhận Sáp Nhập có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của Masan Consumer. Toàn bộ các chi phí này do Công Ty Nhận Sáp Nhập thanh toán.

## **3. Phương pháp kế toán sáp nhập**

Phương pháp kế toán sáp nhập được thực hiện theo Luật kế toán số 88/2015/QH13 và các quy định pháp luật có liên quan.

## **4. Thời gian sáp nhập**

Sau khi được ĐHCĐ của Masan Consumer và Công Ty Nhận Sáp Nhập thông qua, các bên ký kết hợp đồng sáp nhập và thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc sáp nhập.

## **5. Phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập**

Sau khi sáp nhập, Masan Consumer chấm dứt hoạt động; Công Ty Nhận Sáp Nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Masan Consumer. Công Ty Nhận Sáp Nhập kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của Masan Consumer theo hợp đồng sáp nhập.

Sau sáp nhập, Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ thực hiện thủ tục đăng ký trở thành công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer.

## **6. Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

### **a. Đối với người lao động**

Toàn bộ người lao động của Masan Consumer vẫn tiếp tục làm việc tại Công Ty Nhận Sáp Nhập sau khi thực hiện sáp nhập. Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Masan Consumer với các nhân viên của Masan Consumer, để cho Giao Dịch Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các nhân viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của nhân viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Công Ty Nhận Sáp Nhập. Công Ty Nhận Sáp Nhập và người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có).

### **b. Đối với khách hàng**

Toàn bộ khách hàng của Masan Consumer sẽ được chuyển giao cho Công Ty Nhận Sáp Nhập kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của Masan Consumer đối với khách hàng.

## **7. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia sáp nhập**

- Các bên cam kết các thông tin và chứng từ đề cập tại hợp đồng sáp nhập liên quan đến bên đó là đúng và chính xác.
- Các bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp

thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất.

- Các bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của hợp đồng sáp nhập và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện hợp đồng sáp nhập tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo hợp đồng sáp nhập, mỗi bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
- Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của hợp đồng sáp nhập và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện hợp đồng sáp nhập tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- Các bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết hợp đồng sáp nhập theo các quy định của hợp đồng sáp nhập.
- Các bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết hợp đồng sáp nhập.
- Masan Consumer cam kết và xác nhận rằng trước và vào ngày hoàn thành hợp đồng sáp nhập, Masan Consumer không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Masan Consumer.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo hợp đồng sáp nhập.

## **8. Chấm dứt/Hủy bỏ thỏa thuận sáp nhập**

Thỏa thuận sáp nhập chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất theo quy định của hợp đồng sáp nhập;
- Theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên;
- Theo yêu cầu của mỗi bên nếu các điều kiện cho Giao Dịch Sáp Nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của một bên, trừ khi các bên có thỏa thuận khác;
- Một hoặc các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

## **II. Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi**

- Tỷ lệ hoán đổi: 1:1; nghĩa là cổ đông sở hữu 1 cổ phần Masan Consumer (UPCOM: MCH) hoán đổi lấy 1 cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập.
- Việc hoán đổi cổ phần của các cổ đông Masan Consumer lấy cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập sẽ được thực hiện ngay sau khi Công Ty Nhận Sáp Nhập nhận được sự chấp thuận cho phép phát hành thêm cổ phần của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các chấp thuận cần thiết khác (nếu có, theo quy định pháp luật).
- Khi thực hiện hoán đổi, Masan Consumer sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần Masan Consumer lấy cổ phần Công Ty Nhận Sáp Nhập.
- Từ ngày việc hoán đổi cổ phần được hoàn thành, các cổ đông của Masan Consumer sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Nhận Sáp Nhập và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Công Ty Nhận Sáp Nhập tương ứng với số cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi nêu trên.

- Sau khi việc hoán đổi cổ phần được hoàn thành, Masan Consumer sẽ bị hủy đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và hủy đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**III. Thông qua việc Công Ty Nhận Sáp Nhập thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer**

- Sau sáp nhập, ĐHĐCĐ thông qua việc Công Ty Nhận Sáp Nhập thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập, bao gồm số cổ phần đã phát hành cho cổ đông của Masan Consumer.

**IV. Thông qua Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật**

- ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật theo bản dự thảo được đính kèm trong Phụ lục 1 của Nghị quyết này.

**V. Triển khai thực hiện**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau:

- Quyết định việc có thực hiện hoặc không thực hiện việc sáp nhập, phụ thuộc vào chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc điều kiện thị trường;
- Chuẩn bị và đàm phán các Hợp đồng và Thỏa thuận liên quan đến việc sáp nhập cần thiết theo quy định của Pháp luật;
- Triển khai các công việc cần thiết khác, điều chỉnh xử lý các vấn đề liên quan để thực hiện các nội dung Nghị quyết nêu trên, kể cả các sửa đổi, bổ sung khi cần thiết và phù hợp với các thông tin pháp lý vào từng thời điểm, đảm bảo về cơ bản không làm thay đổi các quyền và lợi ích của cổ đông đã được thông qua theo Nghị quyết này;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan và thực hiện tất cả các công việc cần thiết để hoàn tất việc sáp nhập Masan Consumer vào Công Ty Nhận Sáp Nhập theo quy định của Pháp luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công việc cụ thể được nêu trên đây;
- Trong trường hợp HĐQT quyết định không thực hiện việc sáp nhập vì lý do thị trường hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, HĐQT sẽ báo cáo để ĐHĐCĐ phê chuẩn ở phiên họp gần nhất.

**Kết quả biểu quyết:**

Tán thành: 98,89%

Không tán thành: 0,01%

Không có ý kiến: 1,10%

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 40 phút cùng ngày.

Biên bản đã được cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp đọc và được Đại hội biểu quyết thông qua.

**THƯ KÝ**



**ĐỖ THỊ HOÀNG YÊN**

**CHỦ TỌA**



**DANNY LE**





**PHỤ LỤC 1 - DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ THỎA THUẬN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SÁP NHẬP**



**DỰ THẢO**

**HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP**

Số [.]

giữa

**CÔNG TY TNHH MASANCONSUMERHOLDINGS**

và

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

Ngày... tháng..... năm 2022



HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP (“Hợp Đồng”) được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm ... bởi:

**Bên A: CÔNG TY TNHH MASANCONSUMERHOLDINGS** là Công ty Nhận Sáp Nhập, một công ty được thành lập và tồn tại theo pháp luật Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309269038 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/08/2009 (như được thay đổi theo từng thời điểm), do ông TRƯƠNG CÔNG THẮNG, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, làm đại diện theo pháp luật; và

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN** là Công ty Bị Sáp Nhập, một công ty được thành lập và tồn tại theo pháp luật Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000 (như được thay đổi theo từng thời điểm), do ông DANNY LE, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, làm đại diện theo pháp luật.

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “Các Bên” và được gọi riêng là “Bên”).

## CƠ SỞ THIẾT LẬP VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- A. Xét vì, Bên A và Bên B cùng mong muốn tiến hành việc tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Bên B vào Bên A nhằm hiện thực hóa việc hợp nhất chiến lược và vận hành, cũng như đơn giản hóa cơ cấu tổ chức của công ty.
- B. (Trên cơ sở sau khi Bên A hoàn thành việc chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ lên thành 6.708.051.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phần thưởng)), Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) của Bên A đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ số ..... vào ngày ..... và Đại hội đồng cổ đông của Bên B đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ số ..... vào ngày ....., theo đó đã đồng ý và phê chuẩn (i) việc sáp nhập Bên B vào Bên A; (ii) các nội dung của Hợp Đồng giữa Bên A và Bên B; và (iii) ủy quyền giao cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của các Bên tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và thông qua Hợp Đồng.

Nay, Các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng này với nội dung và điều khoản sau đây:

## NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

### ĐIỀU 1: SÁP NHẬP CÔNG TY

- 1.1. **Sáp nhập công ty** trong Hợp Đồng này là sáp nhập Bên B vào Bên A bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên B ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Bên B và nhân viên của Bên B ...) sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Bên A.

- 1.2. **Giao Dịch Sáp Nhập:** Tùy thuộc vào việc hoàn tất các điều kiện như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B sẽ được sáp nhập vào Bên A và được tổ chức lại như sau:
- Sau khi hoàn tất việc sáp nhập theo Hợp Đồng này, Bên B sẽ được chấm dứt hoạt động. Toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên B ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Bên B và nhân viên của Bên B ...) sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng cho Bên A là đơn vị tiếp nhận.
- 1.3 **Ngày Hoán Đổi:** Là ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A.
- 1.4 **Ngày Ký Kết:** Là ngày ký kết hợp đồng này.
- 1.5 **Ngày Hoàn Thành:** Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ:
- Bên A đã hoàn thành việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH thành công ty cổ phần;
  - Bên A đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phần để hoán đổi với toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của Bên B cho tất cả các cổ đông của Bên B;
  - Bên A được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để hoán đổi lấy cổ phần phổ thông của Bên B.
- 1.6 Tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày Hoàn Thành, nếu có bất kỳ hành động bổ sung nào được cho là cần thiết và thỏa đáng để thực hiện các mục đích của Hợp Đồng này và để cho Bên A tiếp nhận các quyền, quyền sở hữu và quyền chiếm hữu đối với tất cả các tài sản, quyền, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ thực hiện tất cả các hành động hợp pháp và cần thiết đó. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các Bên thống nhất rằng tất cả các tài sản, quyền lợi, đặc quyền, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B sẽ được chuyển sang cho Bên A, cùng với tất cả các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Bên B sẽ trở thành các khoản nợ, các khoản phải trả, nghĩa vụ, hạn chế và nghĩa vụ thuế của Bên A mà không phụ thuộc vào việc Bên A có tiến hành các công việc quy định tại Điều 1.6 này hoặc các hành động khác mà Bên A phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành theo các quy định khác của Hợp Đồng này hay không.

## **ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP**

Giao Dịch Sáp Nhập chỉ được thực hiện khi các điều kiện dưới đây được đáp ứng:

- a. Hợp Đồng này được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của Bên A và ĐHĐCĐ của Bên B và được đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B ký kết.
- b. Bên B đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên B; các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên B và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên B tham gia (nếu có).
- c. Bên A đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên A; các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên A và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên A tham gia (nếu có).
- d. Bên A và Bên B đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập cho tất cả người lao động của Bên A và Bên B.
- e. Giao Dịch Sáp Nhập này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế và nhận được văn bản của Ủy ban Cạnh Tranh Quốc gia có ý kiến về việc tập trung kinh tế được thực hiện.
- f. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao Dịch Sáp Nhập theo yêu cầu của Luật Chứng Khoán.
- g. Bên A nhận được các tài liệu như được liệt kê tại Điều 3.2.(b) dưới đây.
- h. Bên A và Bên B thực hiện hoặc tuân thủ, trên mọi khía cạnh, tất cả những thỏa thuận được quy định trong Hợp Đồng này vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành.
- i. Vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Bên A và Bên B được quy định tương ứng tại Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực.
- j. Giao dịch nhận được chấp thuận/phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền liên quan, trong đó có Giấy chứng nhận chào bán cổ phần của UBCKNN.

### **ĐIỀU 3: THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

- 3.1. Các hành động đã được các Bên thực hiện trước Ngày Ký Kết:
  - a. Bên A đã hoàn thành việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty TNHH thành công ty cổ phần;
  - b. Bên A đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 6.708.051.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phần thưởng);
  - c. ĐHĐCĐ của Bên A đã (i) thông qua các nội dung của Hợp Đồng này; (ii) thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau sáp nhập; và (iii) ủy quyền cho HĐQT của Bên A tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và ký kết Hợp Đồng này tương ứng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số ..... ngày .....
  - d. ĐHĐCĐ của Bên B đã (i) thông qua các nội dung của Hợp Đồng này; và (ii) ủy quyền cho HĐQT của Bên B tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán

và ký kết Hợp Đồng này tương ứng theo nghị quyết ĐHĐCĐ số ..... ngày .....

e. Bên A và Bên B đã thông báo cho người lao động của mình về Giao Dịch Sáp Nhập.

3.2. Các hành động phải được thực hiện sau Ngày Ký Kết:

a. Trong vòng [15 (mười lăm)] ngày kể từ Ngày Ký Kết, Bên A và Bên B phải thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của mình theo các quy định tại các hợp đồng, tài liệu giao dịch mà Bên A và Bên B đã ký kết với các chủ nợ của mình.

b. Sau Ngày Ký Kết, Bên B gửi cho Bên A các tài liệu sau:

- (i) Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ;
- (ii) Danh mục các hợp đồng của Bên B (bao gồm cả các hợp đồng thuê đất);
- (iii) Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”), giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên B;
- (iv) Danh sách các công ty con, công ty liên kết, tổ chức mà Bên B có cổ phần hoặc phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng của Bên B trong các công ty, tổ chức này;
- (v) Danh sách người lao động của Bên B;
- (vi) Danh sách các khoản nợ phải trả, các khoản phải thu của Bên B; và
- (vii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất.

3.3 Các hành động để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập:

a. Trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán (“Ngày T”), Bên A và Bên B phải tiến hành việc công bố thông tin về Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

b. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ Ngày T, Bên B phải tiến hành các công việc sau:

- (i) Thông báo đề nghị tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“TTLKCKVN”) và làm các thủ tục có liên quan để chốt danh sách cổ đông (“Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền”) của Bên B được hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A;
- (ii) Gửi Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền cho Bên A;
- (iii) Chấm dứt đăng ký lưu ký chứng khoán của Bên B tại TTLKCKVN và hủy giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) của cổ phần Bên B.

- c. Tại ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A (“Ngày Hoán Đổi”), Bên A tiến hành phân bổ cổ phần cho các cổ đông của Bên B dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phần tại Điều 4 của Hợp Đồng này theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền.
- d. Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ Ngày Hoán Đổi, Bên A phải tiến hành:
  - (i) Tổng hợp kết quả của đợt phát hành cổ phần và thông báo kết quả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”);
  - (ii) Tiến hành thủ tục thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh của Bên A tại cơ quan quản lý Nhà nước về đăng ký kinh doanh để được cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để hoán đổi cho cổ đông của Bên B;
  - (iii) Bên A phải nộp hồ sơ xin đăng ký lưu ký cổ phiếu đối với toàn bộ số cổ phiếu của Bên A cho TTLKCKVN để nhận chấp thuận lưu ký; và
  - (iv) Bên A phải nộp hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu đối với toàn bộ số cổ phiếu của Bên A cho sàn giao dịch UPCOM thuộc HNX để nhận chấp thuận giao dịch.

#### 3.4 Các hành động phải được thực hiện sau Ngày Hoàn Thành:

Bên A và Bên B phải tiến hành các công việc sau đây:

- a. Tiến hành các thủ tục tiếp nhận khi sáp nhập cụ thể như sau: (i) tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của Bên B; (ii) thay đổi tên chủ sở hữu thành Bên A đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết); (iii) thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thành tên Bên A (nếu cần thiết); (iv) ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế các hợp đồng thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết);
- b. Tiếp tục kế thừa và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B đã được thông qua, ký kết trước Ngày Hoàn Thành (bao gồm nhưng không giới hạn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Bên B, trong đó có việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)); và
- c. Tiến hành tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này.

Do ảnh hưởng bởi các nguyên nhân khách quan từ phía các cơ quan thuế, kinh doanh, và các cơ quan khác có liên quan đến chuyển đổi các quyền sử dụng, sở hữu và kinh doanh Các Bên thống nhất rằng không phụ thuộc vào việc Bên A và Bên B có thực hiện hoặc thực hiện xong các công việc nêu tại Điều 3.4 này hay không, vào và kể từ Ngày Hoàn Thành, Bên A sẽ kế thừa và có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách

nhệm bao gồm nhưng không giới hạn đối với toàn bộ các tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B.

#### **ĐIỀU 4: HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN**

- 4.1 Vào Ngày Hoán Đổi, Bên A sẽ phát hành thêm cổ phần của mình cho các cổ đông của Bên B theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền theo phương thức sau:
  - a. Tỷ lệ hoán đổi cổ phần phổ thông của Bên B sang cổ phần phổ thông của Bên A là 1:1, tức 1 cổ phiếu của Bên B sẽ được hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Bên A.
  - b. Tỷ lệ hoán đổi tại Điều 4.1 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp.
  - c. Toàn bộ số cổ phiếu của Bên A phát hành để hoán đổi lấy số cổ phiếu của Bên B đều là cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.
  - d. Toàn bộ cổ phần của Bên B sở hữu bởi Bên A sẽ không được chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty Nhận Sáp Nhập.
- 4.2 Kể từ Ngày Hoàn Thành việc hoán đổi cổ phần, các cổ đông của Bên B (theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền) sẽ trở thành cổ đông của Bên A và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phần của Bên A mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Hợp Đồng này.
- 4.3 Các Bên đồng ý và xác nhận rằng vào Ngày Hoán Đổi, mọi cổ đông trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền của Bên B (trừ Bên A) sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Bên A hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phần của Bên A.
- 4.4 Các Bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền là cổ đông của Bên B và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của họ tại Bên B thành cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữ Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền thì Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ có giá trị sử dụng và Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
- 4.5 Kể từ thời điểm kết thúc việc hoán đổi cổ phần như quy định tại Hợp Đồng này, tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần liên quan đến các cổ phần của Bên B (nếu có) sẽ bị coi là đã hủy bỏ và không còn có giá trị và các cổ đông của Bên B sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phần đó. Bên A có trách nhiệm phát hành chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông của Bên B được hoán đổi cổ phần theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền để thực hiện các thủ tục lưu ký cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- 5.1 Trong khoảng thời gian từ khi ký kết Hợp Đồng đến Ngày Hoàn Thành, Bên B cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:
- a. Sử dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để duy trì và tiếp tục hoạt động kinh doanh và các cơ hội trong kinh doanh như trước khi ký kết Hợp Đồng;
  - b. Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình, không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của các bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng và đã tiến hành thông báo trước cho Bên A;
  - c. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên thứ ba sau khi sáp nhập xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của Bên B đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng hoặc bảo lãnh cho các công ty con, công ty thành viên của Bên B;
  - d. Không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại Bên B;
  - e. Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện; không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình; và
  - f. Sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để (i) giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng; (ii) duy trì công việc của những người lao động hiện tại; và (iii) giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, và các cá nhân, tổ chức khác mà Bên B có quan hệ kinh doanh.
- 5.2 Bên B có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ tài sản, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- 5.3 Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 6.1 Đảm bảo rằng Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B theo đúng quy định tại Hợp Đồng này kể từ ngày hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập.
- 6.2 Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định pháp luật.

- 6.3 Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan sau khi Giao Dịch Sáp Nhập được hoàn tất.
- 6.4 Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng, việc triển khai các dự án cũng như các hoạt động khác của Bên B. Việc kiểm tra theo điều này không ảnh hưởng dưới hình thức nào các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.
- 6.5 Tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 7: CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CỦA CÁC BÊN**

- 7.1 Mỗi Bên cam kết và cùng bảo đảm cho Bên kia rằng:
- a. Các thông tin và chứng từ đề cập tại Hợp Đồng này liên quan đến bên đó là đúng và chính xác;
  - b. Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành; đồng thời tất cả các phê chuẩn, chấp thuận và bất kỳ sự cho phép cần thiết nào để Bên đó và/hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào của Bên đó thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện, đều đã đạt được;
  - c. Bên đó cam kết có đầy đủ năng lực và thẩm quyền để giao kết và thực hiện Hợp Đồng này;
  - d. Bên đó đã có đủ tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ, Quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép phải còn hiệu lực, còn tồn tại và không bị thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ trong bất kỳ trường hợp nào;
  - e. Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên đó là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên đó cho bên thứ ba;
  - f. Bên đó có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con, công ty liên kết như đã tiết lộ và thông báo cho Bên kia;
  - g. Không có bất kỳ sự kiện tụng, thủ tục tố tụng hoặc điều tra nào đối với Bên đó và/hoặc công ty con, công ty liên kết của Bên đó dẫn đến việc làm vô hiệu và/hoặc làm mất khả năng thi hành các thỏa thuận tại Hợp Đồng này; và
  - h. Bên đó sẽ thông báo cho Bên kia tất cả và bất kỳ thông tin, ý kiến, phê chuẩn, chấp thuận hoặc sự cho phép cần thiết nào từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng hoặc các hoạt động khác của các bên có liên quan.



- 7.2 Mỗi Bên có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra.
- 7.3 Các Bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất.
- 7.4 Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp Đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo Hợp Đồng, bao gồm cả các phí trong việc chứng thực Hợp Đồng và các tài liệu liên quan.
- 7.5 Các Bên cam kết nỗ lực hợp lý trong việc thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp Đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- 7.6 Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo Hợp Đồng này, mỗi Bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể.
- 7.7 Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường như trước khi ký kết Hợp Đồng theo các quy định của Hợp Đồng này.
- 7.8 Các Bên không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp Đồng.
- 7.9 Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày Hoàn Thành, Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Bên B.
- 7.10 Bên A cam kết kế thừa và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B đã được thông qua, ký kết trước Ngày Hoàn Thành (bao gồm nhưng không giới hạn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Bên B, trong đó có việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)).

## **ĐIỀU 8: CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

- 8.1 Bên A sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, công nợ từ Bên B kể từ Ngày Hoàn Thành theo quy định pháp luật, cụ thể:
  - a. Kể từ Ngày Hoàn Thành, Bên A được kế thừa toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất/trên đất của Bên B. Bên A sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật hoặc khi thấy cần thiết để kế thừa toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất/trên đất của Bên B,

bao gồm nhưng không giới hạn hợp đồng thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

- b. Kể từ Ngày Hoàn Thành, Bên A có quyền sở hữu như Bên B đối với các nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả hay các quyền sở hữu trí tuệ khác hiện được sở hữu bởi hoặc được cấp cho Bên B ("Sở Hữu Trí Tuệ"). Bên A sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết với các bên thứ ba và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận quyền sở hữu đối với các Sở Hữu Trí Tuệ này.
  - c. Bên A sẽ bị ràng buộc bởi bất cứ hợp đồng nào hiện có hiệu lực được ký kết giữa Bên B và bên thứ ba.
  - d. Bên A sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ về thuế và các quyền và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước của Bên B kể từ Ngày Hoàn Thành theo quy định pháp luật.
- 8.2 Bên A sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các Nhân Viên của Bên B ("Nhân Viên"), để cho Giao Dịch Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các Nhân Viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Nhân Viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Bên A. Bên A và người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có). Đối với Nhân Viên của Bên B không muốn tiếp tục làm việc với Bên A, Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo pháp luật lao động Việt Nam.

## **ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 9.1 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký sau khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 2.a Hợp Đồng này.
- 9.2 Hợp Đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
  - a. Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất theo quy định tại Điều 1.2 của Hợp Đồng này; hoặc
  - b. Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
  - c. Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Sáp Nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của một Bên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn [180 (một trăm tám mươi)] ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
  - d. Một hoặc các bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- 9.3 Trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 9.2(c), mỗi bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.

- 9.4 Trong trường hợp Hợp Đồng này bị một bên chấm dứt theo quy định tại Điều 9.2(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia toàn bộ giá trị, thiệt hại do hành vi vi phạm Hợp Đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.

## **ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 10.1 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp Đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp Đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thỏa thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp Đồng sẽ được các Bên xử lý theo thỏa thuận giữa các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 10.2 Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp Đồng này, nếu có gì vướng mắc các bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Trong trường hợp các Bên thương lượng không thành trong vòng [30 (ba mươi) ngày] kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền vào thời điểm đó.
- 10.3 Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền, toàn bộ hoặc một phần, Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp Đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với các Bên trong Hợp Đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 10.4 Tất cả các thông báo và liên lạc khác liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyên phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

### **Gửi cho Bên A:**

Địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.62563862

Người liên hệ: Ông **Trương Công Thắng** – Chủ tịch Hội đồng thành viên

### **Gửi cho Bên B:**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.62555660

Người liên hệ: Ông **Danny Le** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 10.5 Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản; được Các Bên phê chuẩn theo đúng thẩm quyền; và được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký kết thông qua.
- 10.6 Hợp Đồng này làm thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

Để khẳng định những cam kết nêu trên, các đại diện hợp pháp của Các Bên đã ký và đóng dấu hợp lệ vào ngày tháng năm như phần đầu của Hợp Đồng này.

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO  
CÔNG TY TNHH  
MASANCONSUMERHOLDINGS**

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG  
MASAN**

---

**Ông Trương Công Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

---

**Ông Danny Le**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị





**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 62 555 660 Fax: (84-28) 38 109 463

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi các cổ đông,

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**” hoặc “**Masan Consumer**”) về các hoạt động của HDQT trong năm 2021 như sau:

### **I. KHÁI QUÁT**

Sau hai năm chiến đấu với đại dịch Covid-19, không chỉ thoát khỏi bóng đen suy thoái, kinh tế thế giới trong năm 2021 đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng. Dù tăng trưởng không đồng đều và rủi ro từ các biến chứng mới, gián đoạn chuỗi cung ứng và áp lực lạm phát song chúng tôi nhận thấy năm 2022 là một năm đầy hứa hẹn với tỷ lệ tiêm chủng cao hơn cùng các chính sách hỗ trợ và tăng trưởng của Chính Phủ.

Tăng trưởng toàn cầu đạt năm 2021 ước đạt 5,5% so với mức tăng trưởng âm 3,6% của năm 2020 (nguồn từ IMF). Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế thế giới đang đối mặt với sức ép kép của lạm phát và dịch bệnh khi chủng mới gia tăng. Các biện pháp hạn chế đi lại có thể làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu nguồn cung, tắc nghẽn chuỗi sản xuất và thương mại quốc tế. Sự kết hợp giữa hai yếu tố giá cả tăng và tăng trưởng giảm có khả năng dẫn đến “kịch bản” không mong muốn của nền kinh tế là lạm phát kèm suy thoái.

Tại Việt Nam, bất chấp tác động mạnh mẽ của biến thể Delta của COVID-19, nền kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn duy trì tăng trưởng dương, GDP đạt 2,58% dù thấp hơn mức 2,91% so với năm 2020, nhờ vào sự phục hồi kinh tế nhanh chóng trong Quý 4 cùng chỉ số CPI thấp. Tuy nhiên, 2022 có thể vẫn còn nhiều thách thức vì lạm phát khả năng cao sẽ quay trở lại do giá dầu tăng cùng với tỷ lệ thất nghiệp/ doanh nghiệp đóng cửa ở mức cao.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của cả nền kinh tế, trong đó có ngành hàng tiêu dùng bao gồm cả Masan Consumer. Với việc phong tỏa, giãn cách xã hội diễn ra 4 tháng liên tục từ tháng 6 đến tháng 9, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn và đầy thách thức, nhất là chuỗi cung ứng bị gián đoạn, chi phí nguyên vật liệu tăng, nhân lực sản xuất thiếu hụt. Tuy nhiên, chúng tôi đã nỗ lực tối đa để duy trì sản xuất, đảm bảo nguồn cung cho thị trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cũng như nhu cầu cấp thiết của người tiêu dùng. Kết quả là năm 2021, doanh thu thuần tăng trưởng 19% lên 27.774 tỷ đồng so với 23.343 tỷ đồng so với năm 2020. Kết quả đó có được là do ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng vượt trội với 25,4% so với 2020 nhờ tăng trưởng ở hai nhãn hàng Omachi và Kokomi được người tiêu dùng ưu chuộng. Ngành hàng thịt chế biến đạt mức tăng trưởng đột phá với 51,7% nhờ ra mắt sản phẩm mới. Doanh thu ngành hàng gia vị đã tăng 18,8% trong năm 2021 nhờ cao cấp hóa ngành hàng gia vị. Ngành hàng cà phê đã lấy lại phong độ với mức tăng trưởng 10% nhờ có phát kiến mới vượt trội với bộ đôi sản phẩm cà phê Wake-up Đen đá và Nâu đá. Ngành nước uống giảm nhẹ doanh số so với năm 2020. Ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) dù là ngành hàng mới của Masan nhưng đã tăng trưởng 20% so với năm 2020.

Về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2021 là 42,5%, giữ được tỷ lệ so với năm 2020 dù chi phí nguyên vật liệu cao hơn. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2021 đạt 5.526 tỷ đồng, tăng 20% so với 4.598 tỷ đồng năm 2020, nhờ doanh thu thuần tăng và tối ưu hóa chi phí bán hàng, tiếp thị.

Masan Consumer dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới như ngành hàng thịt chế biến và chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi tin rằng đà tăng trưởng này vẫn tiếp tục trong năm 2022. Dự báo tăng trưởng năm 2022 của Masan Consumer sẽ được chia sẻ chi tiết hơn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

### **Môi trường kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Dự đoán giá nguyên liệu đầu vào chủ chốt của Masan trong năm 2022 sẽ tăng cao. Các nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng để xác định chi phí đầu vào của sản phẩm. Do đó, sẽ tác động xấu dẫn đến biên lợi nhuận giảm trong những ngành kinh doanh của Masan. Ngoài ra, một số yếu tố kinh tế: lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng, và tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến chi phí vốn và ảnh hưởng đến chiến lược mở rộng phát triển kinh doanh của Chúng tôi.

### **Thị trường hàng tiêu dùng tại Việt Nam**

Năm 2021 thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam trải qua một năm đầy khó khăn khi làn sóng dịch COVID-19 thứ tư bùng phát tại các thành phố lớn, đặc biệt là khu vực phía Nam. Giãn cách, phong tỏa nghiêm ngặt, đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt lực lượng lao động, các nhà máy cơ sở sản xuất phải đóng cửa hoàn toàn hoặc một phần cùng với tâm lý hoang mang lo lắng của người tiêu dùng. Tăng trưởng của ngành hàng tiêu dùng chậm lại so với đỉnh cao năm 2020 do khối lượng tiêu thụ giảm. Trong năm thứ 2 của đại dịch, Thực phẩm đóng gói và Sữa & sản phẩm từ sữa tiếp tục là hai ngành hàng thúc đẩy tăng trưởng ở cả thành thị và nông thôn. Trong khi đó, thức uống chịu tác động tiêu cực trong làn sóng thứ 4 của đại dịch, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Việc chi tiêu tiêu dùng giảm là do tỉ lệ thất nghiệp cao và thu nhập thấp. Sau khi giãn cách xã hội được dỡ bỏ, triển vọng kinh tế và tình hình tài chính được cải thiện trong Quý 4/2021 nhờ tỉ lệ tiêm chủng cao, sản xuất kinh doanh bắt đầu hồi phục nhanh, tuy nhiên vẫn chưa trở lại mức trước đại dịch.

Thói quen tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam đã thay đổi rõ rệt từ khi dịch COVID-19 bùng phát năm 2020 và càng khẳng định rõ hơn nữa trong năm 2021 khi xã hội phải giãn cách, phong tỏa nghiêm ngặt, số lượng người lao động phải làm việc tại nhà cũng như tập trung tại các cơ sở sản xuất, nhà máy trong thời gian dài. Sức khỏe, an toàn thực phẩm và tiện lợi là mối quan tâm hàng đầu của các hộ gia đình. Do điều kiện làm việc phải “làm tổ tại nhà”, các sản phẩm có thương hiệu, đóng gói sẵn, sữa và các sản phẩm từ sữa đã thúc đẩy tăng trưởng ở cả thành thị và nông thôn. Doanh số bán lẻ trực tuyến do người tiêu dùng thích sử dụng các kênh mua sắm trực tuyến, dịch vụ giao hàng tận nơi và các chợ nhỏ lân cận hơn là các kênh trực tiếp như chợ ẩm thực, cửa hàng thương mại tổng hợp hoặc siêu thị lớn.

Trong năm 2022, khi đại dịch vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn thì người tiêu dùng vẫn sẽ hợp lý hóa chi tiêu của mình hơn. Tuy nhiên, mặc dù tiết kiệm hơn, đặc biệt với các mặt hàng tùy ý, họ cởi mở hơn cho chi tiêu tiêu dùng trong nhà và chi trả nhiều hơn cho các lựa chọn tốt cho sức khỏe.

## **Ngành hàng thực phẩm tiện lợi**

Năm 2021, doanh thu thuần của ngành hàng thực phẩm tiện lợi Masan Consumer đạt 8.629 tỷ đồng, tăng trưởng 25,4% so với cùng kỳ. Omachi tăng 25,1% và Kokomi tăng trưởng 33,5% so với năm 2020. Thành công của ngành thực phẩm tiện lợi là nhờ vào việc Kokomi 90 vươn lên mạnh mẽ trong phân khúc mì trung cấp, và giữ vững mức độ đầu tư cho 2 thương hiệu Omachi & Kokomi.

Năm 2021, sự thành công của ngành hàng thực phẩm tiện lợi trọng phân khúc cao cấp còn được ghi dấu thông qua việc giới thiệu đến người tiêu dùng Bộ sản phẩm ăn sáng Chin-Su. Lần đầu tiên trên thị trường đón nhận sự xuất hiện của một bộ bữa sáng 7 ngày 7 món với đầy đủ dinh dưỡng từ thịt thật nguyên miếng. Chuẩn bị tiện lợi trong 5 phút để có bữa sáng chất lượng tại nhà, đặc biệt là trong thời gian giãn cách xã hội, các gia đình đang tìm kiếm các bữa ăn tiện lợi ngon phù hợp với khẩu vị yêu thích của các thành viên trong gia đình.

## **Ngành hàng gia vị**

Doanh số ngành hàng gia vị năm 2021 đạt 10.028 tỷ đồng bao gồm cả xuất khẩu, tăng trưởng 18,4% so với năm 2020 nhờ cao cấp hóa ngành hàng gia vị và phục vụ nhu cầu gia vị tăng mạnh trong một năm người tiêu dùng dành nhiều thời gian nấu nướng tại nhà. Nước mắm Chin-Su, Nam Ngư là 1 phần gia vị thiết yếu trong mỗi bữa cơm gia đình, luôn luôn cải tiến sản phẩm ngon hơn, tốt hơn vì sức khỏe người tiêu dùng. Các sản phẩm nước mắm đã áp dụng công nghệ sản xuất giảm hàm lượng muối để cải thiện sức khỏe tim mạch. Thương hiệu Chin-Su đạt doanh số chiếm ~30% total ngành hàng gia vị. Các phát kiến mới dòng cao cấp được người tiêu dùng hào hứng đón nhận và khen ngợi:

- Hạt nêm Chin-Su Ngọt Thanh với gấp 5 lần Xương Hàm Cô đặc là sản phẩm Hạt nêm có vị ngọt từ hàm lượng Xương hàm cao nhất trong ngành hàng;
- Tương Ót Chin-Su bùng nổ tăng trưởng 40% với câu chuyện bùng vị vạn món ngon. Mọi món ăn thường ngày tới sơn hào hải vị khi chấm với Tương Ót Chin-Su, kho-xào-nấu với Tương Ót Chin-Su sẽ bùng vị cay cay thơm ngon, hào hứng cho cả gia đình.

## **Ngành đồ uống đóng chai**

Ngành hàng đồ uống đóng chai của Việt Nam trong năm 2021 phải vật lộn với mức tăng trưởng âm khoảng 2%-8% tại thành thị và nông thôn (nguồn: Kantar Worldpanel 2021) do bị tác động mạnh bởi giãn cách xã hội trong làn sóng dịch thứ 4 kéo dài.

Ngành thức uống của Masan Consumer đạt 3.654 tỷ đồng, tăng trưởng âm (-2%) so với năm 2020. Trong thời gian này chúng tôi tranh thủ cơ hội để giới thiệu các phát kiến mới như Wake-up 247 đô cafe mạnh, Hồ Vằn chai Pet, Vivant Đỏ, Wake-up Cola để kích thích tiêu dùng tại nhà

Dự kiến năm 2022, Masan Consumer quyết liệt lấy đà tăng trưởng trở lại, với mục tiêu doanh số trên 6.000 – 6.500 tỷ thông qua việc giới thiệu sản phẩm mới, xác lập mô hình phân phối mới, mô hình kích thích trial phù hợp với “tình hình bình thường mới”.

## **Ngành hàng cà phê và thức ăn thức uống dinh dưỡng**

Ngành cà phê của Masan Consumer đã triển khai tốt các kế hoạch tiếp thị và ra mắt các phát kiến mới, thâm nhập phân khúc 2in1 và 3in1 cao cấp với bộ đôi Wake-up Đen Đá Và Nâu Đá Việt Nam, với 21% -24%. Ngành cà phê đạt doanh số 1.569 tỷ, tăng trưởng doanh số 10,2% so với 2020 nhờ đầu tư xây dựng thương hiệu mạnh hơn để hỗ trợ cho hai nhãn hiệu Vinacafé và Wake-up để trở thành nhãn hiệu cafe số 1 Việt Nam.



Ngành hàng thức ăn và thức uống dinh dưỡng tại Masan Consumer tăng trưởng vượt trội 54% so với 2020 nhờ mở rộng danh mục sản phẩm thêm phát kiến mới ngũ cốc ít đường và tăng phạm vi phân phối toàn quốc sữa lúa mạch B'fast.

### **Ngành thịt chế biến**

Ngành hàng thịt chế biến tăng trưởng 51,7% so với năm 2020 (1.276 tỷ năm 2021 vs 841 tỷ năm 2020). Trong đó, nhãn hàng Ponnice đóng góp 41%, Heo Cao Bồi đóng góp 59% doanh thu ngành hàng. Riêng nhãn hàng Ponnice, bước đầu thâm nhập thị trường xúc xích thanh trùng, xây dựng đường dẫn cho các mặt hàng mát, đông lạnh trong tương lai. Năm 2022, ngành hàng với định hướng tăng số lượng tiêu thụ và tần suất sử dụng của người tiêu dùng bằng cách phát triển công thức đa dạng sự lựa chọn, và đánh mạnh vào phân khúc giới trẻ đang là thị trường cực kì tiềm năng và rộng lớn. Ngoài ra, ngành hàng thịt chế biến đang tạo nền móng xâm nhập vào thị trường ngành hàng mới. Trong năm 2022, những ngành hàng mới như Snack, và đồ hộp sẽ được giới thiệu.

### **Ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình**

Trong năm 2021 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) đóng góp 1.502 tỷ doanh số thuần, tăng trưởng vượt trội 20% so với 2020 (bao gồm cả NETCO) nhờ giới thiệu thành công sản phẩm mới chất lượng vượt trội – nước giặt xả Joins 2 trong 1, nước rửa chén Homey, góp phần mở rộng danh mục bán hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng ở cả thành thị và nông thôn. Hai nhãn hiệu bột giặt Joins 2 trong 1 và nước rửa chén Homey tăng trưởng mạnh về thị phần tại chuỗi siêu thị WinCommerce, liên tiếp dẫn đầu thị phần kể từ tháng 9/2021.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021**

1. Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
  - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
  - Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý; và
  - Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.
2. Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2021.
3. Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

## **III. TRIỂN VỌNG 2022**

Năm 2022, sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế-xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, vượt qua khó khăn, thách thức, nền kinh tế đã khởi sắc. Điều này sẽ tạo cơ hội phục hồi nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 do vậy Masan Consumer lập kế hoạch ngân sách dự kiến cho cả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng trưởng trong phạm vi 20%-30%. Tuy nhiên cuộc chiến Nga và Ukraine bắt đầu tháng 2/2022 sẽ làm cho giá dầu, giá nguyên vật liệu và bao bì tăng cao, dẫn đến lạm phát có thể tăng mạnh gây ảnh hưởng đến hành vi chi tiêu của người tiêu dùng. Là doanh nghiệp hoạt động trong các

ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, chúng tôi nhận thấy lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận của công ty. Do đó, ngân sách tài chính năm 2022 vẫn chỉ là tạm thời và sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**DANNY LE**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1.	01/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
2.	02/2021/NQ-HĐQT-MSC	25/01/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty và các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan tại Ngân hàng.
3.	03/2021/NQ-HĐQT-MSC	25/01/2021	Phê duyệt việc công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan sử dụng chung hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
4.	04/2021/NQ-HĐQT-MSC	25/01/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
5.	05/2021/NQ-HĐQT-MSC	08/02/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
6.	06/2021/NQ-HĐQT-MSC	26/02/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng trung dài hạn của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan tại Ngân hàng.
7.	07/2021/NQ-HĐQT	26/02/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng trung dài hạn của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan tại Ngân hàng.
8.	08/2021/NQ-HĐQT-MSC	11/3/2021	Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.
9.	09/2021/NQ-HĐQT-MSC	26/3/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
10.	10/2021/NQ-HĐQT-MSC	26/4/2021	Thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm các thành viên của Ủy ban kiểm toán
11.	11/2021/NQ-HĐQT-MSC	17/5/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
12.	12/2021/NQ-HĐQT-MSC	20/5/2021	Phê duyệt việc nâng hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
13.	13/2021/NQ-HĐQT-MSC	20/5/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
14.	14/2021/NQ-HĐQT-MSC	29/6/2021	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của công ty con.
15.	15/2021/NQ-HĐQT-MSC	05/8/2021	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP
16.	16/2021/NQ-HĐQT-MSC	06/8/2021	Phê duyệt khoản tín dụng hợp vốn dài hạn của công ty con tại Ngân hàng.
17.	17/2021/NQ-HĐQT-MSC	01/9/2021	Phê duyệt việc từ nhiệm của thành viên HĐQT
18.	18/2021/NQ-HĐQT-MSC	27/9/2021	Phê duyệt việc tạm ứng lợi nhuận năm 2021 của các công ty con

19.	19/2021/NQ-HĐQT-MSC	05/11/2021	Phê duyệt việc trích lập dự phòng hàng tồn kho của Công ty và các công ty con
20.	20/2021/NQ-HĐQT-MSC	16/11/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
21.	21/2021/NQ-HĐQT-MSC	26/11/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
22.	22A/2021/NQ-HĐQT-MSC	06/12/2021	Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Masan Innovation
23.	22B/2021/NQ-HĐQT-MSC	06/12/2021	Phê duyệt việc Công ty TNHH Masan Innovation thành lập thêm một công ty con
24.	23/2021/NQ-HĐQT-MSC	06/12/2021	Phê duyệt việc phân chia lợi nhuận của Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
25.	24/2021/NQ-HĐQT-MSC	21/12/2021	Phê duyệt việc phân chia lợi nhuận của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
26.	25/2021/NQ-HĐQT-MSC	23/12/2021	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan





**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**  
Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28) 62 555 660 Fax: (84-28) 38 109 463

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”);
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty;
- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty; và
- Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG.

Thay mặt Ủy ban kiểm toán Công ty, tôi xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 như sau:

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2021**

#### **1. Về cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức UBKT trong năm 2021 bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên UBKT

#### **2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán:**

Năm 2021, thành viên của Ủy ban kiểm toán hoạt động không thù lao, chi phí và không có các lợi ích liên quan khác.

#### **3. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán:**

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán (tính từ ngày 01/4/2021):

Stt	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết	Các kết luận, kiến nghị
1	Bà Nguyễn Thu Hiền	2/2	100%	- Cuộc họp ngày 26/4/2021: Họp thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2021. - Cuộc họp ngày 31/12/2021: Họp đánh giá tình hình thực hiện Nghị Quyết của HĐQT trong năm 2021; Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các bên có liên quan; Thảo luận kế hoạch làm việc trọng tâm Quý 1/2022.
2	Ông Nguyễn Thiệu Quang	2/2	100%	

**4. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán độc lập, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:**

**4.1. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính**

UBKT đã giám sát công tác thuyết minh BCTC quý, 6 tháng, năm 2021 trước khi Ban điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- Các BCTC quý, bán niên và năm 2021 được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.
- Công ty kiểm toán (KPMG) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG theo đúng quy định hiện hành.

**4.2. Kết quả giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập**

- Trong năm 2021, Đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện các cuộc kiểm toán báo cáo bán niên và báo cáo năm cho Công ty. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện theo đúng thỏa thuận hợp đồng;
- UBKT đã trao đổi để làm rõ thêm các thông tin liên quan đến BCTC trước khi đơn vị kiểm toán phát hành Báo cáo kiểm toán;
- UBKT đánh giá cao về tính độc lập cũng như chất lượng của cuộc kiểm toán tại Công ty.

#### 4.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2021 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/(giảm)	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	27,774	23,343	4,431	19%
Giá vốn hàng bán	15,983	13,424	2,559	19%
Lợi nhuận gộp	11,791	9,919	1,872	19%
Chi phí bán hàng	4,780	4,071	709	17%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,073	894	179	20%
Lợi nhuận tài chính	475	453	23	5%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,526	4,598	929	20%

EPS	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/(giảm)	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
	7,657	6,403	1,254	20%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021 (mức thấp)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	27,774	27,000	774	3%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,442	5,000	442	9%

#### 5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty:

- Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.
- Năm 2021, Bộ phận KTNB đã được thành lập tại hai đơn vị niêm yết là các công ty thành viên của Công ty, gồm Công ty cổ phần Bột giặt NET và Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa để đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ tại hai đơn vị này, tuân thủ pháp luật liên quan.

#### 6. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được UBKT giám sát. UBKT cũng đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.

#### 7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:

Qua công tác giám sát của UBKT đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2021, UBKT ghi nhận các kết quả sau:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;
- Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2021 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

#### 7.1/ Đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

#### 7.2/ Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn tình hình dịch bệnh Covid-19 và các chính sách phòng chống dịch của chính quyền địa phương, đảm bảo vừa phòng chống dịch vừa sản xuất nhằm triển khai thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Trong hoạt động quản lý điều hành không ghi nhận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

#### **8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.**

Trong quá trình hoạt động, Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp tốt với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông. Ủy ban Kiểm toán không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

## **II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2022**

Nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động, UBKT đề ra kế hoạch công tác trong năm 2022 trọng tâm như sau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cần trọng trong quản lý điều hành, hoạt động tác nghiệp tuân thủ, hiệu quả;
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

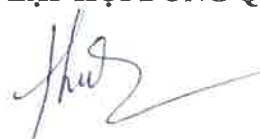


- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành và hướng tới các thông lệ quốc tế;
- Giám sát chất lượng chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán trong năm 2022;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của UBKT Công ty trong năm 2021 và Kế hoạch năm 2022. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022*

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN  
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN  
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THU HIỀN**



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trương Công Thắng  
Ông Nguyễn Đăng Quang

Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Quang  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Công Thắng  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yên  
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00353/2-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>20.442.047.221.235</b>	<b>6.505.485.604.071</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.340.198.391.379</b>	<b>2.947.154.597.143</b>
Tiền	111		7.298.391.379	8.154.597.143
Các khoản tương đương tiền	112		9.332.900.000.000	2.939.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	-	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.444.572.505.069</b>	<b>3.058.316.412.757</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	486.176.356.462	313.830.715.055
Trả trước cho người bán	132		19.717.376.602	24.859.787.346
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	4.086.581.871.592	84.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	5.852.096.900.413	2.635.125.910.356
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>648.736.035.986</b>	<b>481.655.967.649</b>
Hàng tồn kho	141		675.385.095.323	500.540.316.455
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.649.059.337)	(18.884.348.806)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.540.288.801</b>	<b>8.358.626.522</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.540.288.801	8.358.626.522

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>8.838.694.256.400</b>	<b>17.230.323.169.712</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>29.955.973.671</b>	<b>8.702.374.554.542</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	-	6.927.734.374.092
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	29.955.973.671	1.774.640.180.450
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.551.082.911</b>	<b>97.714.378.016</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.350.548.079	9.704.194.184
<i>Nguyên giá</i>	222		93.234.197.693	86.654.805.385
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(80.883.649.614)	(76.950.611.201)
Tài sản cố định vô hình	227	11	64.200.534.832	88.010.183.832
<i>Nguyên giá</i>	228		289.714.438.133	279.311.481.116
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(225.513.903.301)	(191.301.297.284)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.085.404.617</b>	<b>11.489.721.019</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.085.404.617	11.489.721.019
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.461.671.509.348</b>	<b>8.222.671.509.348</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	8.461.671.509.348	8.222.671.509.348
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269.430.285.853</b>	<b>196.073.006.787</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.548.881.323	4.831.752.760
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	260.881.404.530	191.241.254.027
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>29.280.741.477.635</b>	<b>23.735.808.773.783</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.953.041.901.826</b>	<b>8.359.179.703.796</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.925.496.897.621</b>	<b>8.334.673.044.860</b>
Phải trả người bán	311	15	4.044.609.067.617	2.159.141.349.925
Người mua trả tiền trước	312		108.449.608.041	26.571.898.080
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	176.221.324.817	214.022.786.367
Chi phí phải trả	315	17	1.503.951.151.776	1.182.013.933.038
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	13.266.952.054	11.550.745.860
Vay ngắn hạn	320	19	5.078.998.793.316	4.741.372.331.590
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.545.004.205</b>	<b>24.506.658.936</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	27.545.004.205	24.506.658.936
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>18.327.699.575.809</b>	<b>15.376.629.069.987</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>18.327.699.575.809</b>	<b>15.376.629.069.987</b>
Vốn cổ phần	411	21	7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.560.554.240.858	3.710.767.704.992
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(1.640.252.631.255)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.493.873.482.072	6.038.175.816.250
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.848.603.635.250	1.505.442.755.593
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.645.269.846.822	4.532.733.060.657
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>29.280.741.477.635</b>	<b>23.735.808.773.783</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yên  
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	27.495.267.103.278	23.407.911.657.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	334.678.278.470	645.997.002.306
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>27.160.588.824.808</b>	<b>22.761.914.654.935</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	21.049.579.685.464	18.003.887.524.396
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.111.009.139.344</b>	<b>4.758.027.130.539</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.031.629.698.104	4.456.626.688.812
Chi phí tài chính	22	27	128.930.473.232	222.538.031.695
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>103.333.487.659</i>	<i>208.683.534.044</i>
Chi phí bán hàng	25	28	4.535.800.344.215	3.838.226.339.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	548.227.696.814	445.659.633.735
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.929.680.323.187</b>	<b>4.708.229.814.758</b>
Thu nhập khác	31		294.740.161	889.496.460
Chi phí khác	32		1.728.103.900	935.584.588
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.433.363.739)</b>	<b>(46.088.128)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.928.246.959.448</b>	<b>4.708.183.726.630</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	352.617.263.129	239.806.644.452
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(69.640.150.503)	(64.355.978.479)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>5.645.269.846.822</b>	<b>4.532.733.060.657</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.928.246.959.448</b>	<b>4.708.183.726.630</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	39.109.617.053	46.941.586.008
Các khoản dự phòng	03	58.103.781.086	37.439.596.114
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.612.116.019	461.314.855
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(177.893.357)	(194.519.329)
Thu nhập lãi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(5.022.243.622.089)	(4.449.065.826.631)
Chi phí lãi vay	06	103.333.487.659	208.683.534.044
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.112.984.445.819</b>	<b>552.449.411.691</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(156.917.283.577)	(13.252.332.395)
Biến động hàng tồn kho	10	(225.183.849.423)	(136.078.601.961)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.253.893.543.941	(512.250.710.902)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.367.442.658)	(1.477.869.060)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	150.604.109.559
		<b>2.982.409.414.102</b>	<b>39.994.006.932</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(103.649.850.019)	(211.194.930.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(351.542.882.158)	(135.672.035.496)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.527.216.681.925</b>	<b>(306.872.959.271)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.909.753.028)	(13.438.092.519)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	177.893.357	554.090.910
Tiền chi cho vay	23	(180.000.000.000)	(1.406.500.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(2.143.600.000.000)	(440.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	102.670.000.000	247.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	2.433.600.000.000	150.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(239.000.000.000)	(793.000.000.000)
Tiền thu lãi và lợi nhuận được phân phối	27	3.266.994.475.640	3.378.079.881.454
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.224.932.615.969</b>	<b>1.122.695.879.845</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	193.460.700.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	495.372.840.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	15.877.954.028.430	16.814.140.140.544
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(15.547.060.476.549)	(16.117.325.145.989)
Tiền chi trả cổ tức	36	(185.740.132.500)	(168.210.345.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>640.526.259.381</b>	<b>722.065.348.655</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>6.392.675.557.275</b>	<b>1.537.888.269.229</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.947.154.597.143</b>	<b>1.409.367.132.962</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>368.236.961</b>	<b>(100.805.048)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>9.340.198.391.379</b>	<b>2.947.154.597.143</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/IT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu hồi các khoản cho vay phải thu thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1.262 nhân viên (1/1/2021: 1.220 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



## **Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Đầu tư

##### (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### (iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

**(ii) Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

#### (m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp riêng tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### (n) Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay phải thu và các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	308.317.107	136.266.830
Tiền gửi ngân hàng	6.990.074.272	8.018.330.313
Các khoản tương đương tiền	9.332.900.000.000	2.939.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9.340.198.391.379	2.947.154.597.143

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**5. Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	10.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2021		1/1/2021	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.446.400.009.348	100%	3.234.900.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	30.500.000.000	100%	3.000.000.000
		8.461.671.509.348		8.222.671.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020.

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”), (8) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”), (9) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”) và (10) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA và HNF, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA và HNF vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 5 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”), (3) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào (“VHC”), (4) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (5) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) được thành lập trong năm 2016. MTH là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 2 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Hi-Fresh (“HIF”) và (2) Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”). HIF điều hành các cửa hàng bán lẻ để bán lẻ các sản phẩm tiêu dùng của Công ty cho khách hàng cuối cùng. JPR được thành lập trong năm và chuyên cung cấp dịch vụ giặt ủi. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, JPR vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	8.222.671.509.348	7.429.671.509.348
Tăng trong năm	239.000.000.000	793.000.000.000
Số dư cuối năm	8.461.671.509.348	8.222.671.509.348

## 6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu từ các bên liên quan	265.052.115.608	122.347.422.607
Phải thu từ các bên thứ ba	221.124.240.854	191.483.292.448
	486.176.356.462	313.830.715.055

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan, phải thu trong vòng 12 tháng	4.086.581.871.592	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ một bên liên quan	-	84.500.000.000
	4.086.581.871.592	84.500.000.000

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (*)	4.086.581.871.592	6.927.734.374.092
Phải thu trong vòng 12 tháng	(4.086.581.871.592)	-
	-	6.927.734.374.092

(\*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% (2020: 6,5% một năm) trong năm. Các khoản cho vay này đáo hạn vào năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay này.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	3.735.055.037.293	2.317.204.977.769
▪ Lãi dài hạn dự thu trong vòng 12 tháng (*)	2.093.059.136.807	-
▪ Lãi dự thu ngắn hạn	-	9.832.184.934
▪ Phải thu khác (**)	3.881.928.929	2.123.755.382
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác	-	280.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác	-	9.224.657.536
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	14.716.094.795	4.223.923.288
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.648.507.665	3.059.779.000
Phải thu khác	736.194.924	9.456.632.447
	<hr/>	<hr/>
	5.852.096.900.413	2.635.125.910.356

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Lãi dự thu từ các bên liên quan (*)	-	1.747.095.378.919
Ký quỹ, ký cược dài hạn	29.955.973.671	27.544.801.531
	<hr/>	<hr/>
	29.955.973.671	1.774.640.180.450

**(\*) Lãi dự thu từ các bên liên quan bao gồm:**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Lãi dự thu dài hạn từ các bên liên quan	2.093.059.136.807	1.747.095.378.919
Lãi dự thu trong vòng 12 tháng	(2.093.059.136.807)	-
	<hr/>	<hr/>
Lãi dự thu sau 12 tháng	-	1.747.095.378.919

**(\*\*)** Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	23.620.297.377	-	17.796.304.259	-
Nguyên vật liệu	85.011.871.915	(4.710.931.401)	64.749.179.435	(761.110.672)
Công cụ và dụng cụ	4.686.502.801	-	433.000	-
Thành phẩm	42.272.415.020	(1.497.534.974)	43.842.351.330	-
Hàng hóa	514.119.930.752	(20.440.592.962)	374.152.048.431	(18.123.238.134)
Hàng gửi đi bán	5.674.077.458	-	-	-
	<b>675.385.095.323</b>	<b>(26.649.059.337)</b>	<b>500.540.316.455</b>	<b>(18.884.348.806)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	18.884.348.806	12.230.859.440
Tăng dự phòng trong năm	69.051.200.272	37.516.084.167
Sử dụng dự phòng trong năm	(50.339.070.555)	(30.786.106.748)
Hoàn nhập	(10.947.419.186)	(76.488.053)
Số dư cuối năm	<b>26.649.059.337</b>	<b>18.884.348.806</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 26.649 triệu VND (1/1/2021: 18.884 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	52.666.866.594	24.671.896.174	3.865.624.189	5.450.418.428	86.654.805.385
Tăng trong năm	-	337.240.000	-	-	337.240.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.538.410.567	400.000.000	5.372.656.698	7.311.067.265
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(143.420.334)	(143.420.334)
Thanh lý	(95.651.774)	(39.290.879)	(200.951.600)	-	(335.894.253)
Xóa sổ	(248.492.875)	(212.646.295)	(52.640.000)	(75.821.200)	(589.600.370)
Số dư cuối năm	52.322.721.945	26.295.609.567	4.012.032.589	10.603.833.592	93.234.197.693
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	51.166.838.421	17.221.720.300	3.250.383.542	5.311.668.938	76.950.611.201
Khấu hao trong năm	1.500.028.173	2.592.326.015	160.052.336	606.126.512	4.858.533.036
Thanh lý	(95.651.774)	(39.290.879)	(200.951.600)	-	(335.894.253)
Xóa sổ	(248.492.875)	(212.646.295)	(52.640.000)	(75.821.200)	(589.600.370)
Số dư cuối năm	52.322.721.945	19.562.109.141	3.156.844.278	5.841.974.250	80.883.649.614
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.500.028.173	7.450.175.874	615.240.647	138.749.490	9.704.194.184
Số dư cuối năm	-	6.733.500.426	855.188.311	4.761.859.342	12.350.548.079

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 65.762 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 20.721 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Nhãn hiệu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	278.675.117.480	636.363.636	279.311.481.116
Tăng trong năm	214.325.000	-	214.325.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.227.110.017	-	10.227.110.017
Xóa sổ	(38.478.000)	-	(38.478.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>289.078.074.497</b>	<b>636.363.636</b>	<b>289.714.438.133</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	190.664.933.648	636.363.636	191.301.297.284
Khấu hao trong năm	34.251.084.017	-	34.251.084.017
Xóa sổ	(38.478.000)	-	(38.478.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>224.877.539.665</b>	<b>636.363.636</b>	<b>225.513.903.301</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	88.010.183.832	-	88.010.183.832
Số dư cuối năm	64.200.534.832	-	64.200.534.832

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 13.049 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 12.138 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND
Số dư đầu năm	11.489.721.019
Tăng trong năm	8.521.788.730
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.311.067.265)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.227.110.017)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.387.927.850)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.085.404.617

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc và thiết bị	768.789.617	-
Khác	316.615.000	11.489.721.019
	<hr/>	<hr/>
	1.085.404.617	11.489.721.019

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	4.831.752.760
Tăng trong năm	6.605.203.734
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.387.927.850
Phân bổ trong năm	(4.276.003.021)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.548.881.323

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	180.862.498.139	124.360.651.581
Chi phí kho vận phải trả	44.210.972.874	28.611.176.281
Chiết khấu thương mại phải trả	8.179.375.187	17.789.645.144
Chi phí phải trả khác	27.628.558.330	20.479.781.021
	<hr/>	<hr/>
	260.881.404.530	191.241.254.027

**15. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2021</b> <b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
Phải trả các bên liên quan	3.934.165.298.997	2.052.406.688.987
Phải trả các bên thứ ba	110.443.768.620	106.734.660.938
	<hr/>	<hr/>
	4.044.609.067.617	2.159.141.349.925

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Nộp VND</b>	<b>Khấu trừ/Hoàn lại VND</b>	<b>31/12/2021 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	72.126.590.562	2.696.107.356.016	(272.661.624.341)	(2.462.650.593.034)	32.921.729.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.336.743.720	352.617.263.129	(351.542.882.158)	-	139.411.124.691
Thuế thu nhập cá nhân	3.559.452.085	97.809.940.971	(94.239.789.497)	(3.529.738.830)	3.599.864.729
Thuế xuất nhập khẩu	-	444.606.989	(444.606.989)	-	-
Các loại thuế khác	-	40.249.939.650	(39.961.333.456)	-	288.606.194
	<b>214.022.786.367</b>	<b>3.187.229.106.755</b>	<b>(758.850.236.441)</b>	<b>(2.466.180.331.864)</b>	<b>176.221.324.817</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	904.312.490.697	621.803.257.904
Chi phí kho vận	221.054.864.369	143.055.881.405
Thưởng và lương tháng 13	158.037.870.946	180.471.727.506
Chi phí trưng bày	54.459.304.548	52.874.347.636
Chi phí công nghệ thông tin	44.463.680.096	15.006.398.136
Chiết khấu thương mại	40.896.875.933	88.948.225.718
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	29.769.726.565	44.667.901.602
Chi phí lãi vay	11.249.346.990	11.565.709.350
Chi phí nghiên cứu thị trường	5.840.000.000	10.980.889.362
Chi phí khác	33.866.991.632	12.639.594.419
	<b>1.503.951.151.776</b>	<b>1.182.013.933.038</b>

**18. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	7.568.407.430	7.391.024.269
Cổ tức phải trả	4.886.304.100	4.036.758.100
Phải trả khác	812.240.524	122.963.491
	<b>13.266.952.054</b>	<b>11.550.745.860</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	27.545.004.205	24.506.658.936



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong năm			31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.741.372.331.590	4.741.372.331.590	15.877.954.028.430	(15.547.060.476.549)	6.732.909.845	5.078.998.793.316	5.078.998.793.316

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,35% – 3,50%	3.566.000.000.000	4.216.600.400.000
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	1,05% – 1,56%	1.512.998.793.316	524.771.931.590
			<u>5.078.998.793.316</u>	<u>4.741.372.331.590</u>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(1.640.252.631.255)	4.677.603.473.593	13.822.596.027.330
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	38.692.140.000	154.768.560.000	-	-	193.460.700.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.532.733.060.657	4.532.733.060.657
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.172.160.718.000)	(3.172.160.718.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(1.640.252.631.255)	6.038.175.816.250	15.376.629.069.987
Phát hành lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 21)	-	(150.213.464.134)	645.586.304.134	-	495.372.840.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.645.269.846.822	5.645.269.846.822
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.189.572.181.000)	(3.189.572.181.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(994.666.327.121)	8.493.873.482.072	18.327.699.575.809



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	726.793.818	7.267.938.180.000	726.793.818	7.267.938.180.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	18.000.000	1.640.252.631.255
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		3.560.554.240.858		3.710.767.704.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của số cổ phiếu hiện đang lưu hành như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	708.793.818	7.087.938.180.000	704.924.604	7.049.246.040.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	3.869.214	38.692.140.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ bằng tiền	7.084.612	70.846.120.000	-	-
<b>Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành</b>	<b>715.878.430</b>	<b>7.158.784.300.000</b>	<b>708.793.818</b>	<b>7.087.938.180.000</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.189.572 triệu VND (2020: 3.172.161 triệu VND).

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	121.741.083.673	105.959.720.862
Trong vòng 2 đến 5 năm	51.681.466.053	108.600.761.150
	<hr/>	<hr/>
	<b>173.422.549.726</b>	<b>214.560.482.012</b>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	141.063	3.195.081.933	33.107	760.963.016
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.145.060.099	573.235.500
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	10.723.998.227	2.139.731.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>16.869.058.326</b>	<b>2.712.966.500</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 32 triệu USD tương đương với 733.000 triệu VND được phản ánh là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán (1/1/2021: không).

**24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	27.488.927.752.094	23.402.428.301.625
▪ Doanh thu khác	6.339.351.184	5.483.355.616
	27.495.267.103.278	23.407.911.657.241
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	244.519.271.483	577.522.774.918
▪ Hàng bán bị trả lại	90.159.006.987	68.474.227.388
	334.678.278.470	645.997.002.306
Doanh thu thuần	27.160.588.824.808	22.761.914.654.935

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	20.991.475.904.378	17.966.447.928.282
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	58.103.781.086	37.439.596.114
	21.049.579.685.464	18.003.887.524.396

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	4.518.850.147.972	3.843.250.960.832
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	347.813.141.449	539.374.122.875
Lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	155.580.332.668	66.440.742.924
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.386.076.015	7.560.862.181
	<hr/>	<hr/>
	5.031.629.698.104	4.456.626.688.812

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	103.333.487.659	208.683.534.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.148.514.223	10.688.648.490
Chi phí khác	7.448.471.350	3.165.849.161
	<hr/>	<hr/>
	128.930.473.232	222.538.031.695

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.058.307.118.746	2.414.445.681.543
Chi phí kho vận	824.585.862.039	666.033.619.578
Chi phí nhân viên	425.398.320.210	395.382.381.452
Chi phí trưng bày	124.713.479.560	220.374.582.596
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.601.187.194	47.416.937.990
Chi phí nghiên cứu thị trường	17.909.290.833	39.534.262.129
Chi phí khác	47.285.085.633	55.038.873.875
	<hr/>	<hr/>
	4.535.800.344.215	3.838.226.339.163

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	236.558.220.866	251.882.765.096
Chi phí thuê văn phòng	65.591.424.850	57.239.364.220
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	63.315.391.894	38.413.774.919
Chi phí nghiên cứu và phát triển	23.301.620.441	21.892.285.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.677.425.239	29.461.523.409
Chi phí khác	137.783.613.524	46.769.920.868
	<hr/>	<hr/>
	548.227.696.814	445.659.633.735

**30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	20.991.475.904.378	17.966.447.928.282
Chi phí nhân viên	661.956.541.076	655.496.107.334
Chi phí khấu hao	39.109.617.053	46.941.586.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.215.325.375.557	3.505.350.508.198
Chi phí khác	225.740.288.429	113.537.367.472
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	352.617.263.129	238.643.632.270
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.163.012.182
	<hr/> 352.617.263.129	<hr/> 239.806.644.452
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(69.640.150.503)	(64.355.978.479)
	<hr/> 282.977.112.626	<hr/> 175.450.665.973

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	5.928.246.959.448	4.708.183.726.630
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.185.649.391.890	941.636.745.326
Thu nhập không bị tính thuế	(903.770.029.594)	(768.650.192.167)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.097.750.330	1.301.100.632
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.163.012.182
	<hr/> 282.977.112.626	<hr/> 175.450.665.973

(\*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 4.518.850 triệu VND (2020: 3.843.251 triệu VND) lợi nhuận được phân phối bởi các công ty con không chịu thuế.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20%.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản thuế tiềm ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức được trả thông qua cần trừ với các khoản cho vay phải thu	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500	-	-
	Cổ tức được trả bằng tiền	18.106.650.000	18.106.650.000	-	-
<b>Các công ty con trực tiếp và gián tiếp</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	3.602.063.334.584	3.003.285.570.832	3.627.549.218.905	2.317.204.977.769
	Góp vốn	211.500.000.000	790.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan Innovation	Góp vốn	27.500.000.000	3.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	443.257.939.427	425.017.098.884	-	-
	Bán tài sản cố định	30.000.000	-	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.274.786.787.940	6.598.420.309.871	(1.387.299.783.937)	(643.217.573.047)
	Cho vay	180.000.000.000	1.075.000.000.000	2.086.581.871.592	3.103.734.374.092
	Thu hồi các khoản cho vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	1.178.982.502.500	1.002.982.502.500	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	18.170.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	162.692.963.370	196.229.061.230	1.237.622.986.126	1.074.930.022.756



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	11.444.584	18.280.639	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	111.140.642.378	107.380.766.378	-	-
	Mua hàng hóa	2.109.614.479.377	1.672.400.807.338	(129.554.375.771)	(171.680.360.519)
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	11.270.172	12.659.075	-	-
	Mua hàng hóa	163.307.232	1.162.144.632	-	(21.924.170)
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	1.998.134.762	1.757.841.301	-	-
	Mua hàng hóa	171.404.168.668	176.780.117.885	(37.578.511.695)	(78.730.938.333)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	846.270.310.000	839.965.390.000	107.211.095.000	-
	Cho vay	-	12.000.000.000	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	12.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	17.095.890	-	-
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	65.788.308.853	101.973.274.178	-	-
	Bán tài sản cố định	-	325.000.000	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.957.512.103.704	2.647.008.559.069	(56.024.667.533)	(199.894.999.344)
Công ty Cổ phần Café De Nam	Bán hàng hóa	80.713.901	380.880.699	-	-
	Mua hàng hóa	2.425.233.972	4.123.884.843	(724.170.586)	(1.337.493.036)

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	264.263.224.575	239.057.655.052	-	-
	Bán tài sản cố định	1.964.544	-	-	-
	Mua hàng hóa	5.585.505.063.208	4.382.350.117.273	(1.689.549.214.657)	(749.901.338.937)
	Cho vay	-	-	2.000.000.000.000	3.824.000.000.000
	Thu hồi các khoản cho vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	1.824.000.000.000	2.000.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	183.270.794.518	333.295.780.821	855.436.150.681	672.165.356.163
Công ty Cổ phần Masan JinJu	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.775.751.080	6.051.064.675	-	-
	Mua hàng hóa	1.047.993.853.750	738.626.861.662	(152.093.792.921)	(41.599.000.281)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	64.053.323.486	15.288.304.744	-	-
	Bán tài sản cố định	6.940.206	-	-	-
	Mua hàng hóa	1.080.392.011.272	137.483.697.940	(435.458.908.979)	(80.100.508.999)
	Cho vay	-	319.500.000.000	-	84.500.000.000
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	84.500.000.000	235.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	1.849.383.561	9.832.184.934	-	9.832.184.934
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Bán hàng hóa	284.833.420	256.198.756	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	412.593.017.051	440.052.119.314	(14.374.455)	(25.453.952.663)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	333.162.450	181.584.586	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	215.383.895.749	211.011.537.586	(28.043.819.863)	(60.468.599.658)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	68.807.880.317	84.890.066.233	9.616.460.290	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	70.516.503.388	-	294.723.388	-
	Bán hàng hóa	341.169	730.431	-	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Mua hàng hóa và dịch vụ	167.246.939.637	89.295.038.986	(17.823.678.600)	-
	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	624.158.194	-	624.158.194
Công ty TNHH Hi-Fresh	Bán hàng hóa	86.544.267	-	9.725.211	-
	Bán tài sản cố định	2.624.971	-	-	-
<b>Các bên liên quan khác</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	21.250.239	66.939.287	-	-
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	947.232	2.469.183	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	293.746.266	1.942.563.514	-	-
	Mua hàng hóa	9.964.827.525	14.020.134.692	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	31.836.087.648	25.552.551.615	25.645.053.000	25.103.111.299
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	21.002.393	64.077.751	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.607.980.855	4.181.202.965	2.868.778.941	4.566.907.528
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (trước đây là “Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An”)	Bán hàng hóa	75.792.465	337.893.004	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.600.920.637	5.174.364.010	1.600.876.379	2.778.795.592

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam”)	Bán hàng hóa	683.951.377	792.079.105	248.956.759	22.632.600
	Mua hàng hóa	789.887.621	16.643.859.512	-	-
	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	498.592.776	-	498.592.776
	Phí hỗ trợ quản lý	7.822.891.631	13.624.058.876	5.377.861.008	7.564.922.630
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	76.855.801	141.696.375	2.800.001	1.800.002
	Phí hỗ trợ quản lý	8.607.773.646	8.634.102.192	3.460.908.168	4.562.023.846
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	284.914.631	22.816.576	114.244.571	25.098.232
	Mua hàng hóa	444.647.973	3.925.545	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	4.892.782.698	-	3.575.300.853	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	45.258.334	-	16.300.106	-
	Mua hàng hóa	34.522.000	-	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	24.399.003	-	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.180.851.176	1.321.145.309	80.359.849	86.774.470
	Phí hỗ trợ quản lý	786.572.799	1.273.608.625	865.230.079	4.439.840.974
Công ty Cổ phần Masan Blue	Bán hàng hóa	-	122.360.755	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	84.243.994	4.457.415.831	5.739.999	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.209.168.281	3.061.474.525	2.430.085.109	3.367.621.978



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là “Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce”)	Bán hàng hóa	1.351.108.613.551	660.431.253.393	212.986.454.214	62.949.345.993
	Mua hàng hóa và dịch vụ	268.157.541.585	133.963.439.713	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	17.550.000.000	12.406.997.483	-	1.231.116.341
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	10.106.180.275	3.566.107.138	-	-
	Các khoản phải thu khác	-	-	124.280.000	31.628.964
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Wineco (trước đây là “Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Vineco”)	Bán hàng hóa	1.952.273	99.678.637	-	-
	Mua hàng hóa	-	12.503.082	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	450.000.000	1.054.215.907	-	-
	Thu trước tiền hàng	-	168.474.203	-	(168.474.203)
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	26.281.819	-	28.910.000	-
	Mua hàng hóa	521.126.917	-	-	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (*)	Bán hàng hóa	113.105.734	94.592.730	-	5.480.000
	Phí hỗ trợ quản lý	1.715.889.467	1.874.054.697	-	968.269.483
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	10.585.455	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	846.324.954	1.016.708.669	-	525.670.141
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (*)	Bán hàng hóa	51.368.326	45.861.817	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.082.502.233	1.058.214.817	-	547.134.612

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (*)	Bán hàng hóa	-	2.236.364	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	350.471.478	305.774.592	-	158.544.470
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	11.330.909	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	926.480.372	783.660.463	-	403.572.318
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (*)	Bán hàng hóa	61.777.682	79.429.090	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.336.358.229	1.066.209.157	-	550.479.112
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (*)	Bán hàng hóa	185.825.652	229.103.459	-	5.280.001
	Phí hỗ trợ quản lý	5.128.778.050	5.113.037.788	-	2.636.848.112
Công ty TNHH Một Thành viên Con cò Cần Thơ (*)	Bán hàng hóa	24.399.000	51.734.545	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.925.292.913	2.218.852.516	-	1.143.397.827
Công ty TNHH Con cò Bình Định (*)	Bán hàng hóa	9.643.263	16.101.818	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.318.958.768	1.273.739.897	-	657.801.465
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (*)	Bán hàng hóa	11.460.909	7.781.636	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	266.827.937	264.268.445	-	137.079.999
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	24.263.703.783	11.859.304.811	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.



## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Tại ngày 1 tháng 12 năm 2021, các công ty này không còn là các bên liên quan của Công ty do đã có sự thay đổi về quyền kiểm soát trong tập đoàn kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2021. Giá trị giao dịch bao gồm các giao dịch phát sinh với các công ty này cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:


Tên	Chức vụ	2021 VND	2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
<i>Phí và tiền thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên (đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	17.767.338.616	-

### 33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022


Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trương Công Thắng  
Ông Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)

Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Quang  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

Bà Nguyễn Thu Hiền

Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Công Thắng  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HÀNG TIÊU DÙNG  
MASAN  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00353/2-22-2



  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>22.575.115.088.964</b>	<b>9.510.248.113.897</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>13.013.125.962.658</b>	<b>3.818.494.309.952</b>
Tiền	111		107.325.962.658	146.894.309.952
Các khoản tương đương tiền	112		12.905.800.000.000	3.671.600.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>169.375.000.000</b>	<b>212.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	169.375.000.000	212.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.074.166.026.539</b>	<b>3.515.086.732.291</b>
Phải thu của khách hàng	131	8	600.955.375.527	399.157.914.891
Trả trước cho người bán	132		171.698.115.803	252.752.655.991
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	4.086.581.871.592	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	2.214.930.663.617	2.863.176.161.409
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>2.254.893.287.268</b>	<b>1.841.626.811.696</b>
Hàng tồn kho	141		2.292.547.543.677	1.873.240.612.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.654.256.409)	(31.613.801.268)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.554.812.499</b>	<b>122.740.259.958</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.622.626.382	17.740.280.348
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.465.916.280	104.031.879.014
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.466.269.837	968.100.596

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.629.035.070.177</b>	<b>16.023.158.439.128</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>215.103.634.496</b>	<b>8.785.436.801.907</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	-	6.927.734.374.092
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	215.103.634.496	1.857.702.427.815
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.578.570.297.678</b>	<b>5.273.809.928.250</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.647.200.173.487	4.211.295.739.877
<i>Nguyên giá</i>	222		8.565.736.011.269	7.542.782.663.774
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.918.535.837.782)	(3.331.486.923.897)
Tài sản cố định vô hình	227	13	931.370.124.191	1.062.514.188.373
<i>Nguyên giá</i>	228		2.432.289.024.377	2.421.367.789.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.500.918.900.186)	(1.358.853.600.987)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>9.510.404.068</b>	<b>14.517.800.560</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		18.627.973.918	18.627.973.918
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.117.569.850)	(4.110.173.358)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>335.804.947.727</b>	<b>441.990.679.037</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	335.804.947.727	441.990.679.037
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>249.391.858.906</b>	<b>249.391.858.906</b>
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	249.391.858.906	249.391.858.906
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.240.653.927.302</b>	<b>1.258.011.370.468</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	693.721.935.242	705.514.305.140
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	307.834.994.481	230.398.418.399
Lợi thế thương mại	269	18	239.096.997.579	322.098.646.929
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>30.204.150.159.141</b>	<b>25.533.406.553.025</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>13.198.456.221.760</b>	<b>11.250.421.793.413</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.883.095.769.452</b>	<b>10.195.795.172.819</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.573.394.388.394	1.164.838.936.675
Người mua trả tiền trước	312		123.923.953.891	39.399.035.761
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	435.805.128.698	613.244.655.520
Phải trả người lao động	314		12.442.848.485	17.172.287.679
Chi phí phải trả	315	21	2.205.738.422.400	1.632.364.860.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	53.139.673.454	39.469.891.268
Vay ngắn hạn	320	23(a)	7.445.112.961.981	6.660.448.654.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.538.392.149	28.856.850.157
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.315.360.452.308</b>	<b>1.054.626.620.594</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	19	25.013.545.000	27.667.776.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	32.854.954.310	25.234.542.936
Vay dài hạn	338	23(b)	1.063.617.618.895	787.689.223.375
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	181.875.776.881	199.223.889.416
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.998.557.222	14.811.188.867
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>17.005.693.937.381</b>	<b>14.282.984.759.612</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>17.005.693.937.381</b>	<b>14.282.984.759.612</b>
Vốn cổ phần	411	25	7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	3.560.554.240.858	3.710.767.704.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(994.666.327.121)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.989.018.595	13.495.754.932
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.816.958.384.098	4.583.857.861.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.390.102.896.693	72.233.419.086
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.426.855.487.405	4.511.624.442.509
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		590.964.125.113	590.221.573.510
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>30.204.150.159.141</b>	<b>25.533.406.553.025</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



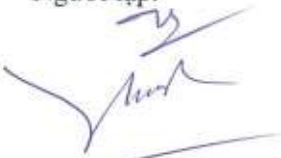
**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>5.526.176.998.515</b>	<b>4.597.571.255.342</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		5.442.134.889.474	4.520.298.845.178
Cổ đông không kiểm soát	62		84.042.109.041	77.272.410.164
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	7.657	6.403

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
**Phan Thị Thúy Hoa**  
*Kế toán Trưởng*

Người duyệt:

  
**Huỳnh Việt Thăng**  
*Giám đốc Tài chính*

  
**Nguyễn Hoàng Yến**  
*Đại diện theo ủy quyền*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.410.566.376.886</b>	<b>5.391.027.786.095</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	839.204.262.978	784.557.565.693
Các khoản dự phòng	03	82.469.518.725	53.082.363.339
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.477.154.390	(201.663.077)
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	6.358.286.108	13.587.327.990
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(703.428.185.639)	(738.150.351.781)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(13.296.085.000)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	228.945.751.950	286.953.132.557
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.857.297.080.398</b>	<b>5.777.560.075.816</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(303.216.460.758)	(75.081.420.768)
Biến động hàng tồn kho	10	(498.548.625.942)	(600.009.848.785)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.095.034.760.680	379.878.201.175
Biến động chi phí trả trước	12	44.454.027.100	36.760.539.972
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	150.604.109.559
		<b>7.195.020.781.478</b>	<b>5.669.711.656.969</b>
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14	(234.375.420.069)	(306.744.653.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.140.974.863.110)	(682.614.892.702)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.323.458.012)	(2.013.648.867)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.816.347.040.287</b>	<b>4.678.338.462.250</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(959.414.551.044)	(1.469.923.979.055)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.822.564.680	2.784.546.167
Tiền chi cho vay	23	(180.000.000.000)	(4.085.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(3.769.075.000.000)	(3.752.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	18.170.000.000	3.615.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	6.562.000.000.000	895.900.000.000
Mua lại một công ty con, tiền thuần chi ra	25	-	(511.583.019.206)
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	-	(28.815.172.375)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi hoạt động đầu tư khác và cổ tức	27	426.167.016.641	122.092.343.504
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.099.670.030.277</b>	<b>(5.211.545.280.965)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	193.460.700.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	495.372.840.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	23.796.206.009.438	22.549.387.230.018
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(22.742.364.432.151)	(20.364.621.307.169)
Tiền chi trả cổ tức	36	(263.824.043.500)	(219.040.639.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.285.390.373.787</b>	<b>2.159.185.983.349</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>9.201.407.444.351</b>	<b>1.625.979.164.634</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.818.494.309.952</b>	<b>2.191.361.038.968</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	332.968.447	556.238.144
<b>Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>	<b>(7.108.760.092)</b>	<b>597.868.206</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)</b>	<b>70</b>	<b>13.013.125.962.658</b>	<b>3.818.494.309.952</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**


**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Thu hồi các khoản cho vay phải thu thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

**(b) Các hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“DPI”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 18 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
8	Công ty Cổ phần Masan JinJu	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Nhà máy F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	74,99%	74,99%	74,99%	74,99%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	90,18%	90,18%	90,18%	90,18%
13	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
14	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	90,18%	90,17%	99,999%	99,998%



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
15	Công ty Cổ phần Café De Nam	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tân An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	96,59%	83,97%	97,77%	85,00%
16	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
17	Công ty TNHH Hi-Fresh	(vi) Kinh doanh và phân phối	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
18	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(vi) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-	100%	-
<b>Công ty liên kết</b>							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào.
- (iv) Công ty Cổ phần Café De Nam được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.
- (v) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (vi) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation. Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”) được thành lập vào ngày 9 tháng 11 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0317020365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, JPR vẫn chưa bắt đầu hoạt động.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 6.049 nhân viên (1/1/2021: 5.575 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(l)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyên	3 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 30 năm.

**(iv) Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

**(v) Quan hệ khách hàng**

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

**(vi) Tài nguyên nước khoáng**

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa**

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay**

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

**(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(o) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay phải thu và các hoạt động đầu tư khác; và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	20.136.187.694.031	6.058.993.152.705	1.515.168.671.398	63.285.699.599	27.773.635.217.733
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.573.930.090.490	2.814.586.561.063	380.641.253.135	21.781.609.277	11.790.939.513.965
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.295.436.104.620	1.336.208.187.088	17.394.770.025	21.781.609.277	6.670.820.671.010
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(719.636.748.891)
Doanh thu hoạt động tài chính					720.071.573.861
Chi phí tài chính					(258.011.430.302)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					6.413.244.065.678
Thu nhập khác					5.273.852.200
Chi phí khác					(7.951.540.992)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(884.389.378.371)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.526.176.998.515

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	<b>Thực phẩm (*) VND</b>	<b>Đồ uống (*) VND</b>	<b>Sản phẩm chăm sóc gia đình (*) VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	16.236.990.127.888	5.792.463.891.997	1.305.743.684.209	7.536.777.303	23.342.734.481.397
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.819.280.274.383	2.745.806.065.195	349.565.095.870	4.562.704.903	9.919.214.140.351
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.091.945.361.963	1.414.822.519.732	25.650.193.255	4.562.704.903	5.536.980.779.853
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(569.444.429.840)
Doanh thu hoạt động tài chính					754.808.423.442
Chi phí tài chính					(315.433.247.596)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					5.406.911.525.859
Thu nhập khác					2.151.494.345
Chi phí khác					(18.035.234.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(793.456.530.753)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.597.571.255.342

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm, Đồ uống và Sản phẩm chăm sóc gia đình bao gồm phân bổ lợi thế thương mại với số tiền là 83.002 triệu VND (2020: 84.507 triệu VND), khấu hao giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình và phân bổ giá trị hợp lý của chi phí trả trước dài hạn phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 104.188 triệu VND (2020: 111.588 triệu VND), khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 2.646 triệu VND (2020: 3.952 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 3.427 triệu VND (2020: 2.856 triệu VND) trong năm.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

	<b>Thực phẩm VND</b>	<b>Đồ uống VND</b>	<b>Sản phẩm chăm sóc gia đình VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản bộ phận	6.341.562.475.475	2.380.405.361.900	1.168.414.276.152	9.890.382.113.527
Tài sản không phân bổ				20.313.768.045.614
<b>Tổng tài sản</b>				<b>30.204.150.159.141</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.689.753.295.769	665.686.754.449	349.239.405.269	2.704.679.455.487
Nợ phải trả không phân bổ				10.493.776.766.273
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>13.198.456.221.760</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>				
Chi tiêu vốn	824.511.240.305	99.497.876.840	13.428.784.970	937.437.902.115
Chi tiêu vốn không phân bổ				45.316.925.367
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	424.086.500.012	157.878.386.269	26.905.566.112	608.870.452.393
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				4.858.533.036
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	48.630.726.333	155.064.571.335	35.914.600.587	239.609.898.255
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				44.520.181.864

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021**

	<b>Thực phẩm VND</b>	<b>Đồ uống VND</b>	<b>Sản phẩm chăm sóc gia đình VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản bộ phận	5.508.223.504.330	2.657.566.827.661	1.168.098.039.093	9.333.888.371.084
Tài sản không phân bổ				16.199.518.181.941
<b>Tổng tài sản</b>				<b>25.533.406.553.025</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.245.516.882.503	509.129.738.294	342.197.039.797	2.096.843.660.594
Nợ phải trả không phân bổ				9.153.578.132.819
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>11.250.421.793.413</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Chi tiêu vốn	1.046.021.150.505	418.284.145.218	10.845.452.246	1.475.150.747.969
Chi tiêu vốn không phân bổ				19.204.890.324
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	377.306.766.937	137.909.650.317	21.903.196.876	537.119.614.130
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				13.173.181.352
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	47.645.508.530	172.338.223.663	30.066.166.192	250.049.898.385
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				36.371.516.398

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ phải trả không phân bổ như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952
Đầu tư tài chính ngắn hạn	169.375.000.000	212.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.363.180.191.833	2.959.815.772.943
Hàng tồn kho	84.546.762.234	28.942.269.523
Tài sản ngắn hạn khác	9.717.113.785	8.316.156.522
Các khoản phải thu dài hạn	215.103.634.496	8.785.436.801.907
Tài sản cố định	76.630.882.912	97.794.178.017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.944.649.442	53.188.521.918
Tài sản dài hạn khác	371.143.848.254	235.230.171.159
	<hr/>	<hr/>
Tài sản không phân bổ	20.313.768.045.614	16.199.518.181.941
	<hr/>	<hr/>
Phải trả người bán ngắn hạn	375.966.761.609	241.595.769.403
Người mua trả tiền trước	108.633.849.041	25.947.739.882
Thuế phải nộp Nhà nước	345.264.391.415	535.270.102.534
Chi phí phải trả	952.033.223.417	691.852.007.440
Phải trả ngắn hạn khác	21.272.183.034	11.550.745.860
Vay ngắn hạn	7.445.112.961.981	6.660.448.654.909
Vay dài hạn	1.063.617.618.895	787.689.223.375
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	181.875.776.881	199.223.889.416
	<hr/>	<hr/>
Nợ phải trả không phân bổ	10.493.776.766.273	9.153.578.132.819

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tăng lợi ích kinh tế trong các công ty con**

**(a) Tăng lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Café De Nam**

Trong năm, Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), đã phát hành 17.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá là 10.000 VND mỗi cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được VCF mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong CDN đã tăng từ 83,97% lên 96,59% và một khoản chênh lệch là 15.279.085.611 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24).

**(b) Tăng lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha**

Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào (“VHM”), đã phát hành 3.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá là 10.000 VND mỗi cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được VHM mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong KRP đã tăng từ 90,17% lên 90,18% và một khoản chênh lệch là 316.458 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24).

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.062.071.013	1.105.798.725
Tiền gửi ngân hàng	106.263.891.645	145.788.511.227
Các khoản tương đương tiền	12.905.800.000.000	3.671.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>13.013.125.962.658</u>	<u>3.818.494.309.952</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Đầu tư tài chính**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	169.375.000.000	212.300.000.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	249.391.858.906	249.391.858.906

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	169.375.000.000	212.300.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư vào một công ty liên kết**

	31/12/2021			1/1/2021		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với CLX. Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	13.296.085.000
Cổ tức từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan	281.512.098.593	139.823.005.666
Phải thu từ các bên thứ ba	319.443.276.934	259.334.909.225
	<hr/>	<hr/>
	600.955.375.527	399.157.914.891
	<hr/>	<hr/>

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**9. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan, có thể thu được trong vòng 12 tháng	4.086.581.871.592	-
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan	4.086.581.871.592	6.927.734.374.092
Phải thu trong vòng 12 tháng	(4.086.581.871.592)	-
	<hr/>	<hr/>
Phải thu sau 12 tháng		- 6.927.734.374.092
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% (2020: 6,5% một năm) trong năm. Các khoản cho vay này đáo hạn vào năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dài hạn dự thu trong vòng 12 tháng (*)	2.170.989.684.747	-
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan (**)	3.881.928.929	2.123.755.382
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác	-	2.750.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác	-	68.347.945.202
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	20.810.987.613	7.869.546.301
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.854.769.665	8.281.518.560
Phải thu khác	10.393.292.663	26.553.395.964
	2.214.930.663.617	2.863.176.161.409

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	-	1.825.025.926.859
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (***)	178.300.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	36.803.634.496	32.676.500.956
	215.103.634.496	1.857.702.427.815

(\*) Đây là các khoản thu nhập lãi phải thu từ các khoản cho một bên liên quan vay. Xem thêm Thuyết minh 9 và Thuyết minh 36 để biết thêm thông tin.

Lãi dự thu từ một bên liên quan bao gồm:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự thu dài hạn từ một bên liên quan	2.170.989.684.747	1.825.025.926.859
Lãi dự thu trong vòng 12 tháng	(2.170.989.684.747)	-
	-	1.825.025.926.859

(\*\*) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*\*) Trong năm, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này sẽ đóng góp vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba sẽ đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư.

Trong năm, một công ty con sở hữu gián tiếp khác của Công ty cũng đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên liên quan để hợp tác sản xuất thịt chế biến trong thời hạn 10 năm. Theo đó, công ty con này sẽ đóng góp vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn và vốn lưu động. Bên liên quan sẽ đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai và cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con và bên liên quan này sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư, nhưng đảm bảo để bên liên quan sẽ được một mức chia lợi nhuận tối thiểu hằng năm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, công ty con này vẫn chưa góp vốn vào BCC này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	114.697.400.084	-	84.844.813.671	-
Nguyên vật liệu	1.106.109.126.231	(9.029.744.993)	850.755.021.672	(6.291.797.300)
Công cụ và dụng cụ	94.383.205.147	(6.666.874.874)	80.264.113.937	(7.192.136.285)
Sản phẩm dở dang	212.766.270.021	-	270.156.261.907	-
Thành phẩm	703.560.948.856	(21.957.636.542)	539.114.185.062	(18.129.867.683)
Hàng hóa	49.905.358.456	-	48.106.216.715	-
Hàng gửi đi bán	11.125.234.882	-	-	-
	<b>2.292.547.543.677</b>	<b>(37.654.256.409)</b>	<b>1.873.240.612.964</b>	<b>(31.613.801.268)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	31.613.801.268	45.040.532.163
Tăng dự phòng trong năm	96.927.983.681	71.880.679.097
Sử dụng dự phòng trong năm	(79.241.695.229)	(66.234.248.195)
Hoàn nhập	(11.645.833.311)	(19.073.161.797)
Số dư cuối năm	<b>37.654.256.409</b>	<b>31.613.801.268</b>

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 37.654 triệu VND (1/1/2021: 31.614 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.186.902.214.064	59.609.724.541	5.186.357.112.818	89.366.588.848	20.547.023.503	7.542.782.663.774
Tăng trong năm	-	-	48.843.556.545	613.415.451	1.137.331.818	50.594.303.814
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	406.897.375.608	-	572.526.470.604	13.811.675.607	5.800.468.036	999.035.989.855
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(143.420.334)	(143.420.334)
Thanh lý	(3.001.002.809)	-	(17.307.436.807)	(18.711.000)	(1.252.141.414)	(21.579.292.030)
Xóa sổ	(2.616.793.966)	(248.492.875)	(1.631.479.474)	(381.646.295)	(75.821.200)	(4.954.233.810)
Phân loại lại	(2.590.141.364)	-	2.590.141.364	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.585.591.651.533</b>	<b>59.361.231.666</b>	<b>5.791.378.365.050</b>	<b>103.391.322.611</b>	<b>26.013.440.409</b>	<b>8.565.736.011.269</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	534.807.366.328	58.109.696.368	2.670.886.594.946	55.991.787.091	11.691.479.164	3.331.486.923.897
Khấu hao trong năm	109.731.938.549	1.500.028.173	485.309.122.642	9.590.379.316	2.590.120.257	608.721.588.937
Thanh lý	(1.091.264.835)	-	(14.981.666.234)	(18.711.000)	(1.252.141.414)	(17.343.783.483)
Xóa sổ	(1.991.451.725)	(248.492.875)	(1.631.479.474)	(381.646.295)	(75.821.200)	(4.328.891.569)
Phân loại lại	(339.185.176)	-	339.185.176	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>641.117.403.141</b>	<b>59.361.231.666</b>	<b>3.139.921.757.056</b>	<b>65.181.809.112</b>	<b>12.953.636.807</b>	<b>3.918.535.837.782</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.652.094.847.736	1.500.028.173	2.515.470.517.872	33.374.801.757	8.855.544.339	4.211.295.739.877
Số dư cuối năm	1.944.474.248.392	-	2.651.456.607.994	38.209.513.499	13.059.803.602	4.647.200.173.487

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 1.172.193 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 1.007.990 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	294.035.987.634	72.124.057.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.421.367.789.360
Tăng trong năm	-	214.325.000	888.129.000	-	-	-	1.102.454.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	10.227.110.017	-	-	-	-	10.227.110.017
Xóa sổ	-	(408.329.000)	-	-	-	-	(408.329.000)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	304.069.093.651	73.012.186.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.432.289.024.377
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	41.055.176.069	202.736.886.854	23.973.340.392	595.387.114.051	378.433.959.961	117.267.123.660	1.358.853.600.987
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	35.608.150.751	3.321.296.672	69.205.267.468	9.451.031.520	21.934.668.276	142.473.628.199
Xóa sổ	-	(408.329.000)	-	-	-	-	(408.329.000)
Số dư cuối năm	44.008.389.581	237.936.708.605	27.294.637.064	664.592.381.519	387.884.991.481	139.201.791.936	1.500.918.900.186
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm	78.030.642.333	91.299.100.780	48.150.716.956	504.239.282.564	45.363.805.889	295.430.639.851	1.062.514.188.373
Số dư cuối năm	75.077.428.821	66.132.385.046	45.717.549.284	435.034.015.096	35.912.774.369	273.495.971.575	931.370.124.191

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 15.790 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 14.881 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.049.295.700	60.877.658	4.110.173.358
Khấu hao trong năm	4.944.669.984	62.726.508	5.007.396.492
Số dư cuối năm	8.993.965.684	123.604.166	9.117.569.850
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	13.966.987.393	550.813.167	14.517.800.560
Số dư cuối năm	9.022.317.409	488.086.659	9.510.404.068

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND
Số dư đầu năm	441.990.679.037
Tăng trong năm	940.259.478.545
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(999.035.989.855)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.227.110.017)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(33.862.109.983)
Thanh lý	(3.320.000.000)
Số dư cuối năm	335.804.947.727

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	73.435.772.954	146.435.571.443
Máy móc và thiết bị	243.285.141.722	263.801.619.238
Khác	19.084.033.051	31.753.488.356
	<hr/>	<hr/>
	<b>335.804.947.727</b>	<b>441.990.679.037</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí sắp xếp khoản vay VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	595.419.158.807	15.671.855.771	83.369.540.559	11.053.750.003	705.514.305.140
Tăng trong năm	-	-	12.675.276.438	10.665.000.000	23.340.276.438
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	33.862.109.983	-	33.862.109.983
Phân bổ trong năm	(13.761.808.749)	(3.134.371.155)	(47.546.986.671)	(4.551.111.125)	(68.994.277.700)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	(478.619)	-	(478.619)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>581.657.350.058</b>	<b>12.537.484.616</b>	<b>82.359.461.690</b>	<b>17.167.638.878</b>	<b>693.721.935.242</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	180.862.498.139	-	126.810.376.489	-
Chi phí kho vận phải trả	44.210.972.873	-	28.611.176.281	-
Chiết khấu thương mại phải trả	8.179.375.186	-	17.789.645.144	-
Chi phí phải trả khác	45.188.166.530	(2.389.920.606)	38.254.962.506	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	29.393.981.753	-	18.932.257.979	-
Bất động sản đầu tư	-	(114.232.802)	-	(799.629.611)
Tài sản cố định hữu hình	-	(8.307.043.765)	-	(8.836.148.725)
Tài sản cố định vô hình	-	(171.064.579.708)	-	(189.588.111.080)
	<b>307.834.994.481</b>	<b>(181.875.776.881)</b>	<b>230.398.418.399</b>	<b>(199.223.889.416)</b>

**18. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	882.432.759.448
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	560.334.112.519
Phân bổ trong năm	83.001.649.350
Số dư cuối năm	643.335.761.869
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	322.098.646.929
Số dư cuối năm	239.096.997.579

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2021</b> Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	<b>1/1/2021</b> Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.584.541.695.493	1.182.257.290.844
Phải trả cho các bên liên quan	13.866.237.901	10.249.421.831
	<hr/> 1.598.407.933.394	<hr/> 1.192.506.712.675
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.573.394.388.394	1.164.838.936.675
- Dài hạn	25.013.545.000	27.667.776.000
	<hr/> 1.598.407.933.394	<hr/> 1.192.506.712.675

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.227.070.869	4.990.296.233.850	(982.332.198.466)	(4.025.767.921.948)	-	128.423.184.305
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.338.520.682	(19.338.520.682)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.584.059.887	979.174.066.988	(1.140.974.863.110)	-	1.311.247.984	299.094.511.749
Thuế thu nhập cá nhân	6.078.404.141	147.210.557.919	(141.731.369.134)	(5.116.209.948)	-	6.441.382.978
Các loại thuế khác	1.355.120.623	146.575.161.739	(146.084.232.696)	-	-	1.846.049.666
	613.244.655.520	6.282.594.541.178	(2.430.461.184.088)	(4.030.884.131.896)	1.311.247.984	435.805.128.698



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Đánh giá lại VND	31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	6.540.133.877.331	23.105.258.496.459	(22.622.049.654.477)	6.751.125.305	7.030.093.844.618
Vay dài hạn đến hạn trả	120.314.777.578	415.019.117.363	(120.314.777.578)	-	415.019.117.363
	<b>6.660.448.654.909</b>	<b>23.520.277.613.822</b>	<b>(22.742.364.432.055)</b>	<b>6.751.125.305</b>	<b>7.445.112.961.981</b>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>				
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (*)	VND	3,35%	66.008.519.318	157.993.266.380
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,35% - 4,20%	5.430.728.735.864	5.809.785.415.271
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	1,05% - 2,00%	1.533.356.589.436	572.355.195.680
			7.030.093.844.618	6.540.133.877.331

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản vay ngân hàng ngắn hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Vay dài hạn	1.478.636.736.258	908.004.000.953
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(415.019.117.363)	(120.314.777.578)
	1.063.617.618.895	787.689.223.375

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>					
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,50% - 7,13%	2022 - 2025	1.478.636.736.258	908.004.000.953

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 852.747 triệu VND, 32.939 triệu VND và 36.807 triệu VND (1/1/2021: tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 569.415 triệu VND, 59.288 triệu VND và 37.648 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn nào bao gồm cả nợ gốc và lãi.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.597.433.276	22.731.972.844	3.244.394.137.086	247.026.608.088	12.406.967.048.025
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	38.692.140.000	154.768.560.000	-	-	-	-	-	-	193.460.700.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.520.298.845.178	77.272.410.164	4.597.571.255.342
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	344.140.974.324	344.140.974.324
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(3.172.160.718.000)	-	(3.172.160.718.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(56.255.650.600)	(56.255.650.600)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(952.034.012)	(869.965.988)	(1.822.000.000)
Giao dịch với NCI	-	-	-	-	-	-	(7.722.368.657)	(21.092.803.718)	(28.815.172.375)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(101.678.344)	-	-	1.240	(101.677.104)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7.267.938.180.000</b>	<b>3.710.767.704.992</b>	<b>(265.775.657.006)</b>	<b>(1.640.252.631.255)</b>	<b>13.495.754.932</b>	<b>22.731.972.844</b>	<b>4.583.857.861.595</b>	<b>590.221.573.510</b>	<b>14.282.984.759.612</b>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.495.754.932	22.731.972.844	4.583.857.861.595	590.221.573.510	14.282.984.759.612
Phát hành lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 25)	-	(150.213.464.134)	-	645.586.304.134	-	-	-	-	495.372.840.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.442.134.889.474	84.042.109.041	5.526.176.998.515
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(3.189.572.181.000)	-	(3.189.572.181.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(94.756.729.000)	(94.756.729.000)
Tăng lợi ích kinh tế trong các công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	(15.279.402.069)	15.279.402.069	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.182.783.902)	(3.822.216.102)	(8.005.000.004)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(6.506.736.337)	-	-	(14.405)	(6.506.750.742)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	726.793.818	7.267.938.180.000	726.793.818	7.267.938.180.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	18.000.000	1.640.252.631.255
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		3.560.554.240.858		3.710.767.704.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của số cổ phiếu hiện đang lưu hành như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	708.793.818	7.087.938.180.000	704.924.604	7.049.246.040.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	3.869.214	38.692.140.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ bằng tiền	7.084.612	70.846.120.000	-	-
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000

**26. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.189.572 triệu VND (2020: 3.172.161 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	161.732.899.181	143.914.610.131
Trong vòng 2 đến 5 năm	96.279.675.413	141.907.277.809
Trên 5 năm	289.982.680.106	63.872.463.134
	547.995.254.700	349.694.351.074

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	221.857	5.025.075.872	369.579	8.494.776.723
EUR	213	5.597.207	-	-
THB	47.731.914	31.741.718.594	77.731.377	58.298.532.050
		36.772.391.673		66.793.308.773

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	546.592.450.245	597.748.937.755
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	730.449.369.103	626.786.780.685
	1.277.041.819.348	1.224.535.718.440

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 32 triệu USD tương đương với 733.000 triệu VND được phản ánh là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán (1/1/2021: không).

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	27.999.230.928.349	23.911.868.769.322
▪ Doanh thu khác	99.654.156.577	76.189.779.083
	28.098.885.084.926	23.988.058.548.405
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	244.667.387.063	581.111.282.281
▪ Hàng bán bị trả lại	80.582.480.130	64.212.784.727
	325.249.867.193	645.324.067.008
Doanh thu thuần	27.773.635.217.733	23.342.734.481.397

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	15.813.601.098.017	13.292.046.150.297
▪ Giá vốn khác	83.812.455.381	78.666.673.449
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85.282.150.370	52.807.517.300
	15.982.695.703.768	13.423.520.341.046

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	345.963.757.888	564.359.499.584
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	357.464.427.751	173.790.852.197
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.643.388.222	16.644.346.561
Thu nhập khác	-	13.725.100
	<hr/>	<hr/>
	720.071.573.861	754.808.423.442
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	226.159.178.618	286.495.734.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.614.401.833	18.025.238.148
Chi phí đi vay	2.786.573.332	457.397.827
Chi phí khác	7.451.276.519	10.454.876.891
	<hr/>	<hr/>
	258.011.430.302	315.433.247.596
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.205.403.255.800	2.563.900.793.810
Chi phí kho vận	874.184.868.727	711.535.804.567
Chi phí nhân viên	479.176.976.563	451.482.981.896
Chi phí trưng bày	125.478.343.563	220.334.654.390
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.670.191.141	47.545.066.849
Chi phí nghiên cứu thị trường	20.122.936.911	40.271.786.429
Chi phí khác	38.108.309.950	36.020.911.493
	<hr/>	<hr/>
	4.780.144.882.655	4.071.091.999.434
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	440.359.941.893	397.034.844.566
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	110.261.415.873	118.396.239.116
Phân bổ lợi thế thương mại	83.001.649.350	84.506.698.388
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	105.244.799.899	73.947.994.621
Chi phí thuê văn phòng	67.646.874.314	58.993.434.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.929.195.775	50.426.153.153
Chi phí nghiên cứu và phát triển	50.170.764.759	44.054.977.317
Chi phí khác	171.292.152.328	66.521.534.367
	<b>1.072.906.794.191</b>	<b>893.881.875.904</b>

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	978.856.624.779	885.025.450.747
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	317.442.209	(7.478.607.818)
	<b>979.174.066.988</b>	<b>877.546.842.929</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(101.784.688.617)	(84.090.312.176)
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	<b>(94.784.688.617)</b>	<b>(84.090.312.176)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>884.389.378.371</b>	<b>793.456.530.753</b>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.410.566.376.886	5.391.027.786.095
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.282.113.275.377	1.078.205.557.219
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(345.921.523)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(426.399.510.660)	(299.577.610.070)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(2.659.217.000)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.774.170.250	7.487.273.999
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	317.442.209	(7.478.607.818)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	16.600.329.870	16.901.339.678
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	1.988.809.848	577.794.745
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	884.389.378.371	793.456.530.753

(\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời này.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20%.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **35. Lãi trên cổ phiếu**

#### **(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 5.442.135 triệu VND (2020: 4.520.299 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 710.715.398 (2020: 705.981.766 cổ phiếu), được tính như sau:

#### **(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.442.134.889.474	4.520.298.845.178

#### **(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	708.793.818	704.924.604
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới trong năm	-	1.057.162
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	1.921.580	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	710.715.398	705.981.766

#### **(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.657	6.403

#### **(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	180.000.000.000	4.085.000.000.000	4.086.581.871.592	6.927.734.374.092
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	18.170.000.000	3.615.000.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	345.963.757.888	564.359.499.584	2.170.989.684.747	1.825.025.926.859
	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.106.650.000	18.106.650.000	-	-
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-
<b>Các bên liên quan khác</b>					
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	947.232	2.567.365	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	21.250.239	70.539.287	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	293.746.266	1.942.759.878	-	-
	Mua hàng hóa	10.493.923.889	14.053.884.692	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	31.836.087.648	25.552.551.615	25.645.053.000	25.103.111.299

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	21.002.393	68.168.660	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.825.257.000	96.100.000	(300.217.500)	(82.995.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	2.607.980.855	4.181.202.965	2.868.778.941	4.566.907.528
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (trước đây là “Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An”)	Bán hàng hóa	75.792.465	352.358.457	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.600.920.637	5.174.364.010	1.600.876.379	2.778.795.592
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (*)	Bán hàng hóa	113.105.734	98.618.185	-	5.480.000
	Phí hỗ trợ quản lý	1.715.889.467	1.874.054.697	-	968.269.483
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	12.909.091	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	846.324.954	1.016.708.669	-	525.670.141
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (*)	Bán hàng hóa	51.368.326	48.218.180	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.082.502.233	1.058.214.817	-	547.134.612
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (*)	Bán hàng hóa	-	2.727.273	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	350.471.478	305.774.592	-	158.544.470
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	13.818.182	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	926.480.372	783.660.463	-	403.572.318
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (*)	Bán hàng hóa	61.777.682	81.883.635	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.336.358.229	1.066.209.157	-	550.479.112
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (*)	Bán hàng hóa	382.916.563	246.514.367	-	5.280.001
	Phí hỗ trợ quản lý	5.128.778.050	5.113.037.786	-	2.636.848.112



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (*)	Bán hàng hóa	752.529.780	63.090.908	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.925.292.913	2.218.852.516	-	1.143.397.827
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (*)	Bán hàng hóa	9.643.263	19.636.363	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.318.958.768	1.273.739.897	-	657.801.465
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (*)	Bán hàng hóa	11.460.909	8.043.454	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	266.827.937	264.268.445	-	137.079.999
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	76.855.801	168.500.010	2.800.001	1.800.002
	Phí hỗ trợ quản lý	8.607.773.646	8.634.102.192	3.460.908.168	4.562.023.846
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam”)	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.961.801.584	1.946.570.540	510.203.536	22.632.600
	Trả trước tiền mua hàng	-	498.592.776	-	498.592.776
	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.474.017.663	52.469.330.268	(3.541.747.791)	(7.296.009.304)
	Mua tài sản cố định	-	7.542.750.000	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	7.822.891.631	13.624.058.876	5.377.861.008	7.564.922.630
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và dịch vụ	794.967.983	22.816.576	114.244.571	25.098.232
	Mua hàng hóa	40.470.776.427	1.678.297.842	(3.300.454.639)	(949.631.340)
	Phí hỗ trợ quản lý	4.892.782.698	-	3.575.300.853	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.295.297.104	120.288.000	1.284.042.751	209.501.600
	Mua hàng hóa	35.082.724.115	2.097.500.000	(5.747.520.000)	(1.799.500.000)
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	24.399.003	-	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.180.851.176	1.364.967.124	80.359.849	86.774.470
	Phí hỗ trợ quản lý	786.572.799	1.273.608.625	865.230.079	4.439.840.974

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Masan Blue	Bán hàng hóa	-	122.360.755	-	-
Jinju Ham Company Limited	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	226.085.500	-	(121.286.187)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là “Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce”)	Bán hàng hóa	1.399.516.804.928	721.022.283.588	236.713.736.562	80.215.427.452
	Mua hàng hóa và dịch vụ	272.867.386.250	136.191.481.363	(833.797.971)	-
	Mua tài sản cố định	1.218.665.532	-	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	17.550.000.000	12.406.997.483	-	1.231.116.341
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng phải trả khác	10.106.180.275	3.566.107.138	-	-
	Phải thu khác	-	-	124.280.000	31.628.964
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco (trước đây là “Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco”)	Bán hàng hóa	1.952.273	117.056.817	-	-
	Mua hàng hóa	6.858.914.000	511.661.682	(142.500.000)	-
	Thu trước tiền hàng	-	168.474.203	-	(168.474.203)
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	450.000.000	1.054.215.907	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	84.243.994	4.459.510.376	5.739.999	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.209.168.281	3.061.474.525	2.430.085.109	3.367.621.978
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.468.423.379	-	858.806.716	-
	Mua hàng hóa	521.126.917	-	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	77.591.062.765	52.129.176.094	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

- (\*) Tại ngày 1 tháng 12 năm 2021, các công ty này không còn là các bên liên quan của Tập đoàn do đã có sự thay đổi về quyền kiểm soát trong tập đoàn kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2021. Giá trị giao dịch bao gồm các giao dịch phát sinh với các công ty này cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Trong thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Vị trí	2021 VND	2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
<i>Phí và tiền thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên (đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	17.767.338.616	-



**37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền



Số: 01 /2022/GUQ-MSC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2022

## **GIẤY ỦY QUYỀN**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
- Căn cứ Biên bản thỏa thuận kiêm Giấy ủy quyền giữa ông Danny Le – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật và ông Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc, Người đồng đại diện theo pháp luật ký ngày 16/7/2020.

### **BÊN ỦY QUYỀN:**

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức vụ : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

### **BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:**

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**

CMND số : 023771864, ngày cấp: 11/08/2014, nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG ỦY QUYỀN**

**Điều 1:** Bên Ủy Quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận Ủy Quyền và Bên Nhận Ủy Quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Diễn giải
1	<p>Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/ quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1. Thực hiện các yêu cầu mở thêm tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến tài khoản mở tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu; ...);</p> <p>1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...);</p> <p>1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p> <p>1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>



2	Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
3	Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
4	Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
5	Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;
6	Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức được phê duyệt theo Nghị Quyết/ Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
7	Ký kết các hồ sơ, chứng từ liên quan đến vay vốn (bao gồm việc phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, .....); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
8	Ký kết và tái ký định kỳ hàng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/ quy định chung của Công ty;
9	Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);
10	Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;
11	Ký các công văn, giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán; và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;
12	Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;
13	Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Công Ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng; xác nhận công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước;
14	Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;
15	Ký kết danh mục tài sản định kỳ hàng quý cung cấp cho Công Ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho & tài sản.
16	Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.

40  
TY  
IN  
DU  
AN  
OC



**Điều 2:** Bên Nhận Ủy Quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền, được phép ủy quyền lại cho bên thứ ba.

**Điều 3:** Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2022 hoặc khi có Thông báo/ Giấy ủy quyền khác thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền này thay thế các Giấy ủy quyền trước đó cho Bên nhận ủy quyền nêu tại Giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



BÊN ỦY QUYỀN

TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

NGUYỄN HOÀNG YẾN

